

LIÊN DANH TỰ VẤN LẬP QUY HOẠCH THỦ ĐÔ

**QUY HOẠCH THỦ ĐÔ
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**THỰC TRẠNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG
GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ -
XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯƠNG MỸ THỜI KỲ 2021 – 2030
(ĐỀ XUẤT CỦA QUẬN HUYỆN CHƯƠNG MỸ CHO VIỆC TÍCH HỢP VÀO
QUY HOẠCH THỦ ĐÔ THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050)**

Mục Lục

1. PHẦN MỞ ĐẦU	5
1.1. SỰ CẦN THIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN	5
1.2. CƠ SỞ LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN.....	6
1.2.1 Văn bản quy phạm, pháp luật	6
1.2.2 Văn bản, chủ trương chính sách của Đảng, của Chính phủ	7
1.2.3 Văn bản, chủ trương, tài liệu của huyện	8
1.3. VỊ TRÍ, PHẠM VI, QUY MÔ LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN.....	9
1.3.1 Vị trí	9
1.3.2 Phạm vi.....	9
1.3.3 Quy mô	9
2. HIỆN TRẠNG VÀ BỐI CẢNH TỰ NHIÊN – XÃ HỘI.....	1
2.1. ĐẶC ĐIỂM HUYỆN	1
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	1
2.1.2 Đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý.....	2
2.1.3 Đặc điểm kinh tế - văn hoá – xã hội	4
2.1.4 Nhận dạng vị thế, tiềm năng của quận/huyện (hiện tại và trong tương lai) 5	
2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	6
2.2.1 Thực trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2011-2022.....	6
2.2.2 Thực trạng phát triển lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.....	7
2.2.3 Thực trạng thương mại, dịch vụ, du lịch.....	8
2.2.4 Thực trạng nông nghiệp	9
2.2.5 Thu – chi ngân sách trên địa bàn.....	11
2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ – XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011-2022	11
2.3.1 Dân số - lao động.....	11

2.3.2	<i>Giáo dục</i>	13
2.3.3	<i>Y tế</i>	14
2.3.4	<i>Văn hoá, thể thao</i>	15
2.3.5	<i>Khoa học công nghệ & đổi mới sáng tạo,</i>	16
2.4.	THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ	16
2.5.	THỰC TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG	17
2.5.1	<i>Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội</i>	17
2.5.2	<i>Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn</i>	17
2.6.	HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG	43
2.7.	ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ, QUỐC PHÒNG, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2011-2022	45
2.8.	ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2011-2022	46
2.9.	ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG	46
2.9.1	<i>Bối cảnh, tình hình</i>	46
2.9.2	<i>Phân tích SWOT</i>	48
3.	PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG	50
3.1.	QUAN ĐIỂM, TÍNH CHẤT, HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRỌNG TÂM	50
3.1.1	<i>Quan điểm, định hướng phát triển trọng tâm</i>	50
3.1.2	<i>Tính chất, tầm nhìn</i>	50
3.1.3	<i>Các mục tiêu, chỉ tiêu</i>	51
3.2.	PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ	52
3.2.1	<i>Phương án chung về kinh tế</i>	52
3.2.2	<i>Phương án phát triển công nghiệp- xây dựng, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:</i>	53
3.2.3	<i>Phương án phát triển thương mại – dịch vụ, du lịch</i>	54
3.2.4	<i>Phương án phát triển nông nghiệp</i>	54

3.3. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA – XÃ HỘI	55
3.3.1 <i>Phương án phát triển văn hóa, thể thao</i>	55
3.3.2 <i>Phương án phát triển giáo dục – đào tạo</i>	56
3.3.3 <i>Phương án phát triển y tế.....</i>	57
3.3.4 <i>Phương án lao động - việc làm, bảo đảm an sinh xã hội</i>	58
3.4. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN.....	59
3.4.1 <i>Phương án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội</i>	59
3.5. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT	59
3.5.1 <i>Hạ tầng giao thông:</i>	59
3.5.2 <i>Hạ tầng cấp, thoát nước:</i>	62
3.5.3 <i>Hệ thống điện, chiếu sáng:</i>	66
3.5.4 <i>Hệ thống nghĩa trang và quản lý chất thải rắn:</i>	67
3.6. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ..	67
3.7. PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	71
4. THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....	72
4.1. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.....	72
4.2. NHU CẦU VỐN VÀ DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	72
4.3. CÁC GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN.....	72
5. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	74
5.1. KẾT LUẬN.....	74
5.2. KIẾN NGHỊ.....	75

1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. SỰ CẦN THIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là trung tâm chính trị-hành chính Quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Với lợi thế về vị trí địa lý- chính trị, có lịch sử phát triển lâu đời, Hà Nội luôn giữ vai trò quan trọng nhất của đất nước, có sức hút và tác động lớn đối với Quốc gia và khu vực Bắc Bộ. Hà Nội đồng thời còn là hạt nhân phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc và Vùng Hà Nội. Trong xu hướng hội nhập và phát triển, việc nâng cao vai trò vị thế của Thủ đô Hà Nội trên trường quốc tế là một nhu cầu tất yếu và hướng tới mục tiêu Thủ đô “Văn hiến – Văn minh – Hiện đại”.

Huyện Chương Mỹ nằm ở phía Tây Nam của Thủ đô Hà Nội, tiếp giáp với quận Hà Đông, các huyện Hoài Đức, Quốc Oai, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức và huyện Lương Sơn - Tỉnh Hòa Bình. Huyện Chương Mỹ có diện tích tự nhiên 232,41 km², 32 đơn vị hành chính gồm: 2 thị trấn (Chúc Sơn, Xuân Mai) và 30 xã nông thôn. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường Quốc lộ 6, Quốc lộ 21A đi qua là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của Huyện.

Với đặc điểm điều kiện tự nhiên phong phú hấp dẫn, điều kiện kinh tế xã hội đa dạng với nhiều giá trị văn hóa lịch sử ... là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội cân bằng và bền vững. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém, thiếu những quy hoạch định hướng chiến lược nhằm khai thác tiềm năng đúng mực, đáp ứng sự phát triển chung.

Theo lý thuyết, Chương Mỹ là huyện nông thôn giáp ranh với Trung tâm Hà Nội, dân số sẽ chịu áp lực về dịch cư đến trung tâm Hà Nội. Tuy nhiên, theo thống kê trong 5 năm trở lại đây, dân số huyện Chương Mỹ có xu hướng tăng cho thấy sự hấp dẫn về việc làm, thu hút nguồn lao động, thúc đẩy tăng dân số cơ học; Là huyện nông thôn, nhưng tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của Chương Mỹ chiếm tỉ trọng không đáng kể, dịch vụ và công nghiệp chiếm phần lớn trong tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Cho thấy lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ chiếm ưu thế.

Bên cạnh những xu hướng tích cực về phát triển kinh tế, Huyện Chương Mỹ cũng đối mặt với những khó khăn cần tháo gỡ: cần xây dựng hệ thống hạ tầng khung hoàn thiện để phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất chưa theo kịp với sự phát triển, hệ thống thương mại dịch vụ chưa hoàn thiện để thúc đẩy kinh tế đặc biệt là du lịch phát triển.

Trong những năm qua, huyện Chương Mỹ đã và đang tổ chức lập các quy hoạch kinh tế xã hội, Quy hoạch chung xây dựng huyện Chương Mỹ, Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chương Mỹ và các Quy hoạch chuyên ngành khác...Tuy nhiên, thiếu một quy hoạch mang tính tổng thể theo định hướng của Quy hoạch thủ đô và có tính tích hợp đa ngành.

Thực hiện Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Nghị định 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Nhiệm vụ lập quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 07/3/2022, UBND Thành phố Hà Nội đã tổ chức lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch Thủ đô Hà Nội được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các đơn vị hành chính Quận, Huyện có tính tới yếu tố liên vùng và hội nhập kinh tế quốc tế.

Với tất cả các lý do đó, việc triển khai xây dựng ***“Hiện trạng, phương án phát triển tổng thể tổ chức không gian kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Chương Mỹ thời kỳ 2021 -2030”*** là thực sự cần thiết, phù hợp với xu thế phát triển Kinh tế - xã hội và bối cảnh cũng như các nhu cầu phát triển mới để tích hợp vào Quy hoạch Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là hết sức cần thiết.

1.2. CƠ SỞ LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

1.2.1 Văn bản quy phạm, pháp luật

- Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012;
- Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về “Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 10/07/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017 đã được Chính phủ xét duyệt về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

1.2.2 Văn bản, chủ trương chính sách của Đảng, của Chính phủ

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (2016), bao gồm cả Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 1/1/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, NSLĐ, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

- Nghị quyết số 06 - NQ/TW ngày 5/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1393/2012/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

1.2.3 Văn bản, chủ trương, tài liệu của huyện

- Các Nghị quyết, Báo cáo của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Chương Mỹ;

- Các báo cáo các lĩnh vực của huyện Chương Mỹ;

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 huyện Chương Mỹ, Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện và các xã;

- Niên giám thống kê năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 của huyện.

1.3. VỊ TRÍ, PHẠM VI, QUY MÔ LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

1.3.1 Vị trí

Huyện Chương Mỹ nằm ở phía Tây Nam của Thủ đô Hà Nội, tiếp giáp với quận Hà Đông, các huyện Hoài Đức, Quốc Oai, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức và huyện Lương Sơn - Tỉnh Hòa Bình. Huyện Chương Mỹ có diện tích tự nhiên 232,41 km², 32 đơn vị hành chính gồm: 2 thị trấn (Chúc Sơn, Xuân Mai) và 30 xã nông thôn. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường Quốc lộ 6, Quốc lộ 21A đi qua là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của Huyện.

Diện tích của Huyện là 232,41 km² được giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quốc Oai;
- Phía Đông giáp quận Hà Đông, huyện Thanh Oai;
- Phía Nam giáp huyện Ứng Hòa, huyện Mỹ Đức;
- Phía Tây giáp huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

1.3.2 Phạm vi

Toàn bộ địa giới hành chính huyện Chương Mỹ bao gồm 02 thị trấn: Chúc Sơn, Xuân Mai và 30 xã nông thôn: Phụng Châu, Tiên Phương, Phú Nghĩa, Đông Phương Yên, Đông Sơn, Thủy Xuân Tiên, Thanh Bình, Trường Yên, Ngọc Hòa, Thụy Hương, Đại Yên, Trung Hòa, Tốt Động, Nam Phương Tiến, Tân Tiến, Hoàng Văn Thụ, Hữu Văn, Mỹ Lương, Quảng Bị, Hợp Đồng, Lam Điền, Hoàng Diệu, Thượng Vực, Văn Võ, Đồng Phú, Hồng Phong, Trần Phú, Đồng Lạc, Hòa Chính, Phú Nam An.

1.3.3 Quy mô

Đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên là 232,41 km².

Dân số hiện trạng 345.200 người (2020)

2. HIỆN TRẠNG VÀ BỐI CẢNH TỰ NHIÊN – XÃ HỘI

2.1. ĐẶC ĐIỂM HUYỆN

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Huyện Chương Mỹ nguyên xưa là phần đất của hai huyện Mỹ Lương, Yên Sơn thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây và huyện Chương Đức, thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng.

Năm 1880, vua Tự Đức cho thành lập đạo Mỹ Đức, địa bàn gồm huyện Mỹ Lương thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây và hai huyện Chương Đức, Hoài An thuộc phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội. Đến năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), đạo Mỹ Đức giải thể và đổi thành phủ Mỹ Đức thuộc tỉnh Hà Nội. Đồng thời, 4 tổng: Tuy Lai, Quảng Xá, Bội Xuyên, Vân Nội thuộc huyện Chương Đức và 4 tổng: Thái Bình, Phù Lưu Thượng, Phù Lưu Tế, Trinh Tiết thuộc huyện Hoài An hợp thành huyện Yên Đức, còn 3 tổng: Bài Trượng, Văn La, Quảng Bị thuộc huyện Chương Đức và 6 tổng: Lương Xá, Chúc Sơn, Cao Bộ, Dã Cát, Phương Hạnh và Yên Kiện thuộc huyện Mỹ Lương hợp thành huyện Chương Mỹ.

Năm 1890, Toàn quyền Đông Dương lại tách hai huyện Chương Mỹ và Yên Đức của tỉnh Hà Nội, phủ Lương Sơn và huyện Lạc Thủy thuộc tỉnh Chợ Bờ (Hòa Bình) để tái lập đạo Mỹ Đức. Tuy nhiên, một năm sau, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định giải thể đạo Mỹ Đức, địa bàn nhập vào hai tỉnh Hà Nội và Hòa Bình như cũ.

Từ năm 1904, huyện Chương Mỹ và phủ Mỹ Đức thuộc tỉnh Hà Đông.

Ngày 21 tháng 4 năm 1965, huyện Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Tây và ngày 27 tháng 12 năm 1975, huyện Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, gồm 31 xã: Đại Yên, Đồng Lạc, Đồng Phú, Đông Phương Yên, Đông Sơn, Hòa Chính, Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Hồng Phong, Hợp Đồng, Hữu Văn, Lam Điền, Mỹ Lương, Nam Phương Tiến, Ngọc Hòa, Ngọc Sơn, Phú Nam An, Phú Nghĩa, Phụng Châu, Quảng Bị, Tân Tiến, Thanh Bình, Thượng Vực, Thụy Hương, Thủy Xuân Tiên, Tiên Phương, Tốt Động, Trần Phú, Trung Hòa, Trường Yên và Văn Võ.

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, sáp nhập 2 xã: Tiên Phương và Phụng Châu vào thành phố Hà Nội, đến ngày 17 tháng 2 năm 1979 được đặt trực thuộc huyện Hoài Đức.

Ngày 27 tháng 3 năm 1984, thành lập thị trấn Xuân Mai trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của xã Thủy Xuân Tiên.

Ngày 26 tháng 12 năm 1990, thành lập thị trấn Chúc Sơn (thị trấn huyện lỵ của huyện Chương Mỹ) trên cơ sở một phần diện tích và dân số của 2 xã: Ngọc Sơn và Ngọc Hòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 1991, huyện Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Tây vừa tái lập.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, chuyển 2 xã: Tiên Phương và Phụng Châu thuộc huyện Hoài Đức trở lại huyện Chương Mỹ quản lý.

Huyện Chương Mỹ có 32 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 2 thị trấn: Chúc Sơn, Xuân Mai và 30 xã: Đông Phương Yên, Đông Sơn, Phú Nghĩa, Thủy Xuân Tiên, Thanh Bình, Trường Yên, Trung Hoà, Ngọc Hoà, Ngọc Sơn, Thụy Hương, Đại Yên, Nam Phương Tiến, Tân Tiến, Hoàng Văn Thụ, Tốt Động, Hợp Đồng, Lam Điền, Hoàng Diệu, Quảng Bị, Mỹ Lương, Hữu Văn, Trần Phú, Hồng Phong, Đồng Lạc, Thượng Vực, Đồng Phú, Văn Võ, Hoà Chính, Phú Nam An, Phụng Châu, Tiên Phương với 22.682 hécta diện tích tự nhiên và 242.574 nhân khẩu.

Ngày 2 tháng 3 năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định 23/2005/NĐ-CP. Theo đó:

Sáp nhập toàn bộ 339,09 ha diện tích tự nhiên và 5.036 nhân khẩu của xã Ngọc Sơn vào thị trấn Chúc Sơn.

Điều chỉnh 131 ha diện tích tự nhiên và 1.517 nhân khẩu của xã Phụng Châu, 2,97 ha diện tích tự nhiên và 140 nhân khẩu của xã Tiên Phương về thị trấn Chúc Sơn quản lý.

Ngày 1 tháng 8 năm 2008, tỉnh Hà Tây bị giải thể theo Nghị quyết của kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa 12 ngày 29 tháng 5 năm 2008. Theo đó, huyện Chương Mỹ thuộc Hà Nội, bao gồm 2 thị trấn và 30 xã như hiện nay.

2.1.2 Đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý

a) Địa hình, địa mạo, địa chất

Địa hình đa dạng, chia thành 04 vùng với những đặc điểm riêng, bao gồm: Vùng núi đồi Gò ở phía Tây, Vùng “núi sót” trong cụm “núi sót” Thập lục Kỳ Sơn ở phía Đông Bắc huyện, vùng đồng bằng nằm giữa sông Đáy – sông Bùi và vùng Bãi phía đông của đê sông Đáy.

Độ cao giảm dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

b) Khí hậu thời tiết

Chương Mỹ nằm trong vùng đồng bằng Sông Hồng, chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết hình thành hai mùa rõ rệt:

- Mùa mưa (từ tháng 4 đến tháng 10): nóng ẩm và mưa nhiều.

- Mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau): khô, lạnh, ít mưa.

- Nhiệt độ trung bình năm 23 - 24°C, lượng mưa trung bình 1700mm – 1800mm, hàng năm thường có 5-7 cơn bão trong đó khoảng 2-3 cơn có tác động đáng kể đến huyện.

Lượng mưa tập trung lớn vào mùa mưa, có những trận mưa lớn trên 300mm nên thường gây ra lũ và ngập úng vào khoảng tháng 7 đến tháng 10 nhưng mùa khô thường bị hạn vào khoảng tháng 12 đến tháng 3 năm sau, ảnh hưởng thậm chí gây tác hại rất lớn đến kinh tế xã hội của huyện, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

c) Chế độ thủy văn

Có Sông Bùi chảy qua 13 xã trong huyện, sông Đáy chảy qua 9 xã. Hai con sông này bao bọc từ phía Đông Bắc đến Tây Nam tạo nên nguồn nước tưới dồi dào cho nông nghiệp.

Ngoài hai con sông trên, Chương Mỹ có sông Tích; hệ thống hồ nằm ở khu vực đồi gò phía Tây đường Hồ Chí Minh với trữ lượng khoảng 17 triệu khối là nguồn nước tưới chính cho các xã Tân Tiến, Nam Phương Tiến, Hoàng Văn Thụ, Hữu Văn, Mỹ Lương, Trần Phú, Đồng Lạc. Các xã khác đều có hệ thống ao hồ, đầm, kênh, rạch có thể cung cấp nước cho ngành trồng trọt và nuôi trồng thủy sản. Một số có mặt nước lớn như hồ Hạnh Tiên (Tân Tiến), hồ Hải Vân (Đại Yên), Vực Ninh, hồ Phương Bản (Phụng Châu)...

Nước ngầm: Khá dồi dào và nông, đào ở độ sâu 10m là có nước. Tuy nhiên những năm gần đây mực nước ngầm bị suy giảm nên mùa khô một số khu vực của huyện bị thiếu nước.

d) Các nguồn tài nguyên

Huyện Chương Mỹ là vùng đất cổ, hình thành và phát triển sớm trong lịch sử nước ta. Trên địa bàn huyện có nhiều khu thắng cảnh như chùa Trầm, chùa Trăm Gian

– một quần thể danh lam thắng cảnh di tích lịch sử nằm ven QL6. Dải núi rừng và hồ nằm ven đường Hồ Chí Minh có tiềm năng rất lớn về du lịch. Huyện có hàng chục di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng, là nơi tổ chức các lễ hội hàng năm làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của người dân.

Tài nguyên khoáng sản: Khoáng sản có trữ lượng để khai thác là đá vôi, sét, cát, than bùn, trong đó tại khu vực núi Thoong (Tân Tiến, Nam Phương Tiến) có loại đá vôi đẹp có thể sản xuất đá xẻ trang trí, tại khu vực Tử Trầm Sơn có đá vôi độ tinh khiết cao có thể dùng sản xuất sản phẩm mỹ nghệ và CaCO_3 (bột nhẹ) dùng cho ngành công nghiệp cao su, NaHCO_3 (thuốc muối) dùng cho ngành y tế. Đất sét ở nhiều khu vực có thể sản xuất vật liệu xây dựng, cát ở Lam Điền có thể khai thác. Than bùn có ở nhiều xã. Tuy nhiên do để bảo vệ cảnh quan và sử dụng cho mục đích Quốc phòng việc khai thác đá đã chấm dứt; để bảo vệ môi trường nhiều khu vực cũng đã cấm khai thác đất sản xuất VLXD; để chống sạt lở đất và bảo vệ đô huyện cũng không cho phép khai thác cát.

2.1.3 Đặc điểm kinh tế - văn hoá – xã hội

Đặc điểm kinh tế:

Nông nghiệp và sản xuất nông sản: Chương Mỹ có địa hình đa dạng với mảng đồng cỏ, ruộng lúa và vùng núi. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nông nghiệp vẫn là nguồn sống chính đáng kể của nhiều người dân tại đây.

Chăn nuôi: Ngoài nông nghiệp, chăn nuôi cũng đóng góp quan trọng vào kinh tế địa phương. Người dân có thể chăn nuôi gia súc như bò, lợn, gia cầm và các loại động vật khác để cung cấp thịt, sữa và các sản phẩm từ động vật.

Đặc điểm văn hóa:

Di sản văn hóa: Chương Mỹ có thể có một lịch sử và di sản văn hóa đa dạng. Các di tích lịch sử, ngôi đền, chùa, lễ hội truyền thống và những phong tục địa phương có thể được duy trì và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Đa dạng dân tộc và cộng đồng: Huyện này có thể là nơi sinh sống của nhiều dân tộc và cộng đồng khác nhau, tạo ra một sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ và truyền thống. Điều này có thể thể hiện trong các ngày lễ, lễ hội và sự kiện địa phương.

Đặc điểm xã hội:

Tương tác cộng đồng: Người dân trong Chương Mỹ có thể có truyền thống tương tác mật thiết với nhau và tạo ra môi trường xã hội đoàn kết. Đời sống xã hội tập trung vào các hoạt động cộng đồng như làm từ thiện, tổ chức lễ hội, và các hoạt động thể thao và văn hóa.

2.1.4 Nhận dạng vị thế, tiềm năng của quận/huyện (hiện tại và trong tương lai)

Trong Tổng thể kinh tế- xã hội của Hà Nội: cần xác định vị trí và vai trò của huyện Chương Mỹ trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc điểm phân bố dân cư và các yêu cầu về việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật. Trong địa bàn huyện sẽ phát triển các chức năng về đào tạo, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao để hỗ trợ cho nhu cầu của đô thị trung tâm.

Trong Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội: Với định hướng phát triển 2 đô thị Xuân Mai, Chúc Sơn và phần lớn diện tích nằm trong khu vực hành lang xanh. Các khu vực phát triển đô thị và nông thôn đều nằm trong các vùng có kiểm soát phát triển đặc thù kết hợp với bảo tồn các giá trị hiện hữu. Các khu vực nằm trong hành lang thoát lũ của sông Đáy, sông Tích, sông Bùi và đặc biệt lũ ngang từ Hòa Bình cần phải có kiểm soát đặc biệt để đảm bảo an toàn cho người dân kết hợp với khai thác phát triển cho các hoạt động du lịch. Ngoài ra để tạo động lực phát triển cho huyện Chương Mỹ cần phải phát triển các trục giao thông quan trọng như đường Quốc lộ 6, đường Hồ Chí Minh, đường trục Bắc Nam, đường Nam Quốc lộ 6, đường Lê Văn Lương Kéo dài và mạng lưới đường liên huyện. Đặc biệt là những chức năng quan trọng của Thủ đô như: khu đại học tại Xuân Mai, cụm trường học tại Chúc Sơn, Khu công nghiệp tập trung tại Phú Nghĩa và Xuân Mai, các vùng du lịch tại Chúc Sơn và phía nam huyện.

Các mối quan hệ lân cận: Xác định các mối quan hệ tương hỗ với các quận, huyện lân cận như Hà Đông, Quốc Oai, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức và Lương Sơn – Hòa Bình. Các địa bàn này sẽ có mối quan hệ hỗ trợ, liên kết về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và chia sẻ các chức năng của thành phố. Trên cơ sở các mối quan hệ đó để xác định nhu cầu về quy mô các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật có thể khai thác thêm ở các khu vực phụ cận, hoặc phải tăng cường trực tiếp trên địa bàn huyện. Đặc biệt xác định các vấn đề cần phải thống nhất giải pháp phát triển liên vùng như vấn đề khắc phục lũ rừng Ngang từ Hòa Bình; bảo vệ cảnh quan và cải tạo môi trường dọc sông Đáy, sông Tích, sông Bùi; phát triển mạng lưới hạ tầng du lịch; quy chế phát triển dọc hành lang xanh . . .

Đánh giá các tác động ngoại vùng khác: Với các tuyến đường đối ngoại quan trọng như đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 6, trục kinh tế Bắc Nam; các dòng sông Đáy, sông Tích đi qua địa bàn huyện cũng sẽ hình thành các yếu tố tác động tích cực và tiêu cực đối với việc phát triển chung của huyện trong tương lai. Các vấn đề tác động này cần được phân tích và dự báo để có biện pháp ứng phó thích hợp.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.2.1 *Thực trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2011-2022*

Kinh tế của huyện đã tăng trưởng ở mức cao nhiều năm liên tục, các lĩnh vực xã hội có sự phát triển khá đồng bộ, đặc biệt là tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định; đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Xuất phát điểm về kinh tế của Chương Mỹ còn thấp, hạ tầng chưa phát triển, giai đoạn 2011-2020 huyện Chương Mỹ còn phải đối mặt với những khó khăn rất lớn đó là: Khủng hoảng kinh tế thế giới từ cuối năm 2011 đến năm 2013, tác động tiêu cực đến kinh tế trong nước, thị trường bất động sản đổ vỡ và đóng băng trong một thời gian dài, thiên tai và dịch bệnh lớn thường xuyên xảy ra như 02 trận mưa lũ lịch sử 2017 và 2018; dịch tả lợn Châu Phi năm 2019, dịch bệnh Covid-19 năm 2020.

Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các nghị quyết chuyên đề, xây dựng các chương trình, đề án phát triển kinh tế trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Thành phố, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn của huyện. Xác định công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo, dịch vụ là ngành mũi nhọn, nông nghiệp là ngành quan trọng để tập trung chỉ đạo, ưu tiên đầu tư đúng hướng, đặt nền móng và từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế huyện.

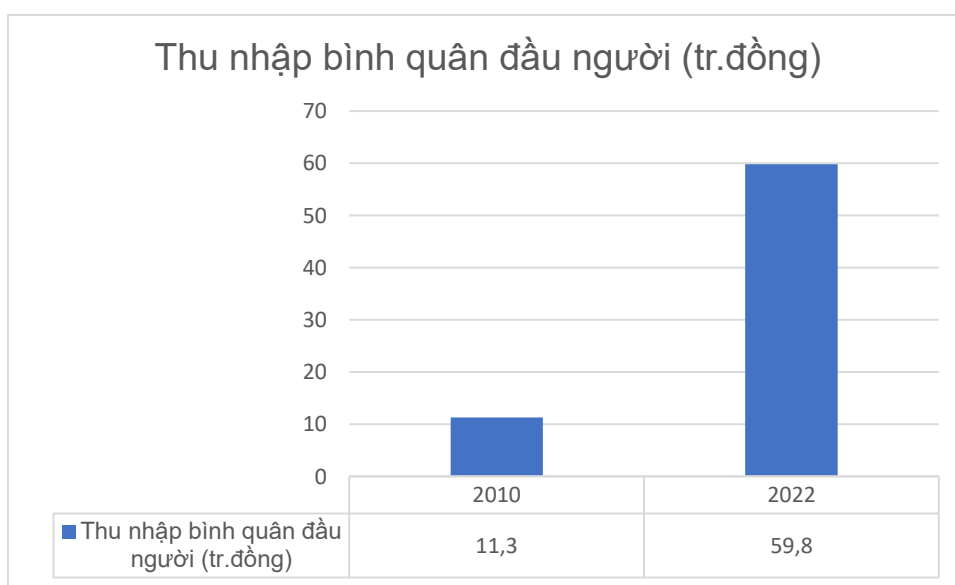
Kinh tế của huyện tiếp tục phát triển đồng bộ cả về quy mô và chất lượng, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 10 năm đạt 11,82%/năm, đạt mục tiêu đề ra (mục tiêu là 11,82%).

Tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 ước thực hiện 31.116 tỷ đồng, đạt 100,7% so kế hoạch, tăng 11,9% so với cùng kỳ.

Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp: 57,6% - 27,1% - 15,3%. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2022 ước đạt 68,5 triệu đồng/người/năm, đạt 100,7% so với kế hoạch và bằng 108,6% so với cùng kỳ.

1. Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản ! Trong đó: Ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng 12,0%; ngành thương mại - dịch vụ tăng 15,2%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5.99%.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 59,8 triệu đồng/người/năm, tăng 5,3 lần so với năm 2010 (năm 2010 là 11,3 triệu đồng). Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, tiếp tục thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.



2.2.2 Thực trạng phát triển lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản ước thực hiện là 17.490 tỷ đồng, đạt 100,4% so với kế hoạch năm và tăng 12% so với cùng kỳ (năm 2021 đạt 15.620 tỷ đồng, tăng 7,1%); trong đó: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện 11.420 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ; xây dựng cơ bản ước thực hiện 6.070 tỷ đồng, tăng 13,5% so cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện đã tăng tốc trở lại. Đến nay, toàn huyện có 848 doanh nghiệp công nghiệp và xây dựng cơ bản (tăng 96 doanh nghiệp so với năm 2021) và trên 8 nghìn cơ sở sản xuất cá thể công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản đang hoạt động. UBND huyện đã triển khai và thực hiện đồng bộ các chính sách của Nhà nước, giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai, nguồn vốn, lao động, xây dựng thị trường, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh; xây dựng và triển khai thực hiện Kế

hoạch khuyến công, Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn năm 2022; duy trì hoạt động các làng nghề trên địa bàn huyện.

Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tiếp tục đầu tư xây dựng, mở rộng khu, cụm công nghiệp, làng nghề tạo mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đạt 14.585 tỷ đồng (năm 2010 là 4.601 tỷ đồng); tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12,23%/năm, mục tiêu là 12,33%.

Đã tổ chức 354 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 12.238 học viên; số người có việc làm sau đào tạo 11.067 người, Giải quyết việc làm mới cho 35.603 lao động. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 57,1% (năm 2010 là 27,8%). Toàn huyện có 36 làng nghề, 175/208 làng có nghề. Theo quy hoạch huyện Chương Mỹ có 10 cụm công nghiệp, trong đó có 06 cụm đã hình thành và đi vào hoạt động?); có 02 cụm công nghiệp không phù hợp với tiêu chí cụm công nghiệp đang đề nghị chuyển thành dự án phát triển làng nghề; 02 cụm công nghiệp hiện trạng vẫn đang là đất lúa, chưa hình thành cụm; tỷ lệ thuê đất khoảng 61%.

Hiện nay đang đầu tư mở rộng khu công nghiệp Phú Nghĩa thêm 180ha, nâng tổng diện tích toàn khu lên 350,1ha. Xây dựng khu công nghiệp Đông Phú Yên với diện tích 41,2ha. Đến nay huyện có 698 doanh nghiệp (tăng 426 doanh nghiệp so với năm 2010); trên 9 nghìn cơ sở sản xuất cá thể công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản đang hoạt động, tạo việc làm cho trên 02 vạn lao động có thu nhập ổn định, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động xây dựng cơ bản: Đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng trưởng khá, được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2011-2020 là 5.488,197 tỷ đồng (không bao gồm các dự án do các sở, ngành thành phố làm chủ đầu tư). Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà ở dân cư, các công trình dân dụng của người dân và doanh nghiệp tăng nhanh.

2.2.3 Thực trạng thương mại, dịch vụ, du lịch

Toàn huyện có 1.084 doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ (tăng 99 doanh nghiệp so năm 2021) và 9 nghìn cơ sở cá thể đang hoạt động. Giá trị sản xuất theo giá so sánh ước thực hiện 8.790 tỷ đồng, đạt 101,6% so kế hoạch, tăng 15,2% so cùng kỳ (năm 2021 đạt 7.930 tỷ đồng, tăng 11,4%).

Tuy bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng đến nay ngành thương mại, dịch vụ đã trở lại hoạt động bình thường.

Thương mại, dịch vụ phát triển với tốc độ cao, đa dạng, phong phú ở tất cả các lĩnh vực. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đạt 6.850 tỷ đồng, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 17,95%, mục tiêu là 18,26%. Trên địa bàn huyện có 905 doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ (tăng 546 doanh nghiệp so với năm 2010) và trên 7 nghìn cơ sở kinh doanh thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng dịch vụ; có 23 chợ, 02 siêu thị loại II. Phương thức kinh doanh có chuyển biến mới theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tiện lợi, hiệu quả: đặt hàng, bán hàng online, thanh toán điện tử. Nhìn chung hàng hóa trên địa bàn phong phú, giá cả khá ổn định.

Đã đầu tư lớn cho hạ tầng giao thông nhằm tạo điều kiện giao thương hàng hóa, nhất là các xã xa trung tâm huyện và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Quan tâm phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, đến nay một số sản phẩm của huyện đã có thương hiệu như gạo hữu cơ Đồng Phú, rau sạch Chúc Sơn, Bưởi Chương Mỹ, trứng gà và sản phẩm chăn nuôi Tiên Viên..., toàn huyện có 59 sản phẩm OCOP. UBND huyện đã chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 28/7/2016 của Huyện ủy về “Phát triển du lịch huyện Chương Mỹ giai đoạn 2016-2021 và những năm tiếp theo”, kết quả tiềm năng phát triển du lịch của huyện bước đầu được khai thác.

Các ngành dịch vụ vận tải, điện lực, bưu chính viễn thông, ngân hàng tín dụng phát triển khá tốt đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đời sống dân sinh.

2.2.4 Thực trạng nông nghiệp

Xây dựng và triển khai các quy hoạch liên quan đến phát triển nông nghiệp: quy hoạch thủy lợi, quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, quy hoạch các khu vực sản xuất nông nghiệp trong quy hoạch nông thôn mới. Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư tu bổ, sửa chữa, nâng cấp. Hệ thống đê điều đảm bảo an toàn cho 55% diện tích tự nhiên, hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho 100% diện tích, tiêu chủ động cho 70% diện tích, nhờ đó đã phòng chống hiệu quả 02 đợt bão lũ, ngập úng lớn năm 2017 và 2018. Chỉ đạo công tác dồn điền, đổi thửa gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, diện tích dồn điền đổi thửa được 10.521,83 ha, bằng 98,7% so với kế hoạch huyện và 100,75% so với kế hoạch thành phố giao;

đã chuyển đổi được 568,84ha, nhiều mô hình chuyển đổi cho giá trị kinh tế cao góp phần tăng giá trị ngành sản xuất nông nghiệp. Tăng cường các hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để sản xuất, huyện đã cơ bản thay đổi được bộ giống lúa, đưa các giống lúa mới có giá trị hàng hóa cao vào sản xuất thay các giống lúa kém hiệu quả. Mở rộng quy mô sản xuất sản phẩm an toàn, sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ, hỗ trợ đầu tư cơ giới hóa, xử lý chất thải chăn nuôi, dự án liên kết, xây dựng các chuỗi liên kết, xây dựng thị trường, thương hiệu sản phẩm, tổ chức lại và phát triển các HTX nông nghiệp. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên đã góp phần giảm thiểu thiệt hại của sâu bệnh, dịch bệnh, sinh vật hại đối với cây trồng và vật nuôi, đảm bảo an toàn nông sản, thực phẩm cung cấp ra thị trường. Đã xây dựng Đề án Tái cơ cấu ngành chăn nuôi huyện Chương Mỹ giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030.

Kết quả ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đã phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, hiệu quả sản xuất được nâng cao gắn với bảo đảm an ninh lương thực. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) đạt 4.305 tỷ đồng, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm là 5,56%/năm, mục tiêu là 4,75%. Cơ cấu trong ngành nông nghiệp: Chăn nuôi chiếm tỷ trọng 67,1%, trồng trọt 32,9% (năm 2010 tỷ trọng chăn nuôi chiếm 58,9%, trồng trọt 41,1%). Toàn huyện có 68 hợp tác xã và hàng chục doanh nghiệp đăng ký hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Trên địa bàn huyện có 559 trang trại chăn nuôi, trong đó có 282 trang trại chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp nước ngoài (tăng 362 trang trại so với năm 2010); tổng đàn lợn 198 nghìn con; đàn trâu bò 15,8 nghìn con; đàn gia cầm 6.100 nghìn con. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng là 67,2 nghìn tấn. Năng suất lúa hàng năm đạt trên 62 tạ/ha; tổng sản lượng lương thực bình quân đạt 118.000 tấn/năm. Giá trị sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 150 triệu đồng/ha. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được quan tâm. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt 11 tỷ đồng, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 0,7%/năm. Diện tích nuôi trồng thủy sản là 3.010 ha (tăng 1.255ha so với năm 2010). Sản lượng thủy sản là 14,1 nghìn tấn (tăng 7,5 nghìn tấn so với năm 2010). Giá trị sản xuất ngành thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) đạt 395 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 13,04%/năm.

2.2.5 Thu – chi ngân sách trên địa bàn

Chỉ đạo điều hành thu, chi ngân sách, thực hiện dự toán năm 2022, quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện; giải quyết các nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 tiếp tục được thực hiện trong năm 2022, chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang năm 2022.

Triển khai kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2022(52); quyết toán thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2021(33). Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: dự toán giao 672,12 tỷ đồng; ước thực hiện năm 2022 là 789,843 tỷ đồng, đạt 117,5% dự toán năm và bằng 108,8% so cùng kỳ(54). Thu ngân sách huyện, xã: ước thực hiện năm 3.526,126 tỷ đồng (trong đó: thu ngân sách huyện 3.039,176 tỷ đồng(35); thu ngân sách xã 486,950 tỷ đồng.

Chi ngân sách huyện, xã: thực hiện đến ngày 22/11/2022 là 2.312,968 tỷ đồng, đạt 105,8% dự toán năm, ước thực hiện năm 2022 là 3.290,967 tỷ đồng, đạt 150,5% dự toán năm và bằng 119,6% so cùng kỳ (trong đó: chi ngân sách huyện 2.001,787 tỷ đồng, đạt 102,8% dự toán năm, ước thực hiện năm 2022 là 2.862,415 tỷ đồng, đạt 147% dự toán năm(37); chi ngân sách xã thực hiện 311,181 tỷ đồng, đạt 129,8% dự toán năm, ước thực hiện năm 2022 là 428,551 tỷ đồng, đạt 178,7% dự toán năm.

2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ – XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011-2022

2.3.1 Dân số - lao động

- Về dân số - Lao động: Đến 31/12/2020 toàn huyện có 345,2 nghìn người, (tăng 49,2 nghìn người so với năm 2010) với 83.264 hộ; tổng số lao động đang làm việc 176.670 người (tăng 44.985 lao động so với năm 2010), trong đó có 123.130 lao động phi nông nghiệp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 57,1%, trong đó có bằng, chứng chỉ là 29%, tuy nhiên lao động trình độ cao còn thấp. Số lao động chưa có việc làm khoảng 6.510 người, lao động đang đi học 32.200 người.

Trong 10 năm qua huyện đã tổ chức 354 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 12.238 học viên; số người có việc làm sau đào tạo 11.067 người, giải quyết việc làm mới cho 35.603 lao động.

Xã phường	Diện tích km2	Dân số 2020
Thị trấn Chúc Sơn	3.63	14520
Thị trấn Xuân Mai	8.46	22790
Xã Phụng Châu	8.22	13250
Xã Đông Sơn	7.78	11080
Xã Đông Phương Yên	5.87	11970
Xã Phú Nghĩa	8.25	12260
Xã Tiên Phương	8.15	17170
Xã Ngọc Hòa	5.97	9380
Xã Trường Yên	6.06	12240
Xã Thủy Xuân Tiên	13.6	19320
Xã Thanh Bình	5.29	7590
Xã Trung Hòa	6.34	11680
Xã Thụy Hương	5.37	9840
Xã Đại Yên	4.4	6680
Xã Tân Tiến	13.49	11660
Xã Nam Phương Tiến	20.42	10400
Xã Lam Điền	8.14	11980
Xã Tốt Động	9.09	15120
Xã Hợp Đồng	4.97	7260

Xã phường	Diện tích km²	Dân số 2020
Xã Hoàng Văn Thụ	12.86	12820
Xã Hoàng Diệu	8.07	11190
Xã Hữu Văn	5.53	9740
Xã Quảng Bị	7.1	12300
Xã Mỹ Lương	7.39	8550
Xã Thượng Vực	4.79	6970
Xã Trần Phú	16.66	9780
Xã Hồng Phong	3.17	4700
Xã Đồng Phú	4.07	6310
Xã Văn Võ	4.68	9250
Xã Đồng Lạc	5.06	5580
Xã Hòa Chính	4.62	7300
Xã Phú Nam An	3.3	4760

2.3.2 Giáo dục

Huy động ra lớp mẫu giáo được 95,8% (tăng 18% so với năm 2010) trong đó các cháu 5 tuổi đạt 100%; nhà trẻ 26,5% (tăng 16% so với năm 2010). 100% số trẻ trong độ tuổi vào lớp 1; 100% số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6; 99,93% học sinh hoàn thành bậc THCS (tăng 0,93% so với năm 2010). Chất lượng học sinh ngày càng được nâng lên, tỷ lệ học sinh giỏi năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, năm học 2020-2021, theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đã thực hiện giảm tải các cuộc thi ở tất cả các bậc học vì vậy số lượng học sinh giỏi ở các bậc học giảm so với các năm trước liền kề; bậc học mầm non, tiểu học không có học sinh giỏi; bậc THCS có 2.466 học sinh giỏi cấp huyện trở lên, trong đó cấp huyện có 2.408 em; cấp thành phố 42 em, cấp quốc gia 16 em

Khối Trung học phổ thông có 8 trường, trong đó có 5 trường công lập; năm học 2020-2021 có 10.060 học sinh, (tăng 692 em so với năm học 2010-2011). Tỷ lệ học sinh huy động vào Trung học phổ thông là 86,2% (tăng 6,5% so với năm học 2010 - 2011). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,1%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 29%.

2.3.3 Y tế

208/208 thôn, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động, các trường học đều có cán bộ y tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe của nhân dân ở tuyến huyện. Hàng năm ngành y tế đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, kế hoạch hóa gia đình, thực hiện đầy đủ, đồng bộ các chương trình y tế như: Tiêm chủng mở rộng; phòng chống dịch bệnh; bảo đảm an toàn thực phẩm; quản lý sức khỏe người cao tuổi; chăm sóc bà mẹ, trẻ em; kế hoạch hóa gia đình... Đặc biệt là đã làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Thực hiện nghiêm túc việc giãn cách xã hội, tuyên truyền người dân thực hiện đeo khẩu trang; ngừng các hoạt động lễ hội, các cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu; các hoạt động tụ tập đông người, cho học sinh nghỉ học; thực hiện tốt việc vệ sinh tiêu độc, khử trùng, giám sát nhiệt độ người đến các cơ quan, công sở, trường học; kiểm soát tốt việc tự cách ly tại nhà; chuẩn bị kịch bản, mọi điều kiện và đảm bảo kinh phí cho các hoạt động phòng, chống dịch.

Kết quả trong những năm qua đã kịp thời khống chế các bệnh có nguy cơ thành dịch; không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm lớn, không có ca lây nhiễm bệnh Covid-19 trên địa bàn; thực hiện tốt các chính sách của nhà nước về y tế như: Bảo hiểm y tế, miễn giảm phí khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Đến năm 2020 có 100% các xã, thị trấn đạt “Tiêu chí quốc gia về y tế” (tăng 12 xã so với năm 2010); tỷ lệ tiêm chủng mở rộng bình quân hàng năm đạt từ 99,5% trở lên. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 13,93% năm 2010 còn 8,6% năm 2020. Phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi được quan tâm, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90,1%. Chất lượng khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến các xã, thị trấn được nâng cao. Hoạt động y, dược ngoài công lập tiếp tục phát triển; từng bước phát huy vai trò của y học cổ truyền. Công tác dân số, gia đình, trẻ em được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả. Tổ chức tốt công tác truyền thông và cung ứng dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình; tỷ suất sinh thô

giảm từ 16,1%% năm 2010 xuống 15,9% năm 2020; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 13% năm 2010 xuống còn 12,72% năm 2020.

2.3.4 Văn hoá, thể thao

Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Chất lượng các danh hiệu văn hóa được nâng cao. Các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và phát huy, việc xây dựng nếp sống văn hóa trong thời kỳ mới có nhiều chuyển biến tích cực, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, triển khai thực hiện Đề án “Đánh giá, đề xuất các giải pháp phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”. Toàn huyện có 89% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa (năm 2010 là 82%); có 187 Làng văn hóa, đạt 84% (năm 2010 là 32,7%); có 12 Tổ dân phố văn hóa, đạt 90,4% (năm 2010 chưa có Tổ dân phố nào đạt danh hiệu Tổ dân phố văn hoá); có 196 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt 78,4%) (năm 2010 là 57%). Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Chỉ đạo, tổ chức quản lý các lễ hội truyền thống theo quy định.

Tăng cường tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tuyên truyền về các ngày lễ, sự kiện lớn của đất nước, Thủ đô. Tổ chức thực hiện Chương trình 04-CTr/TU của Thành ủy về “Phát triển văn hóa xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh”; thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính, Bộ Quy tắc ứng xử nơi công cộng. Triển khai kết nối mạng WAN, mạng LAN và phần mềm dùng chung, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Hoàn thành lắp đặt hệ thống giao ban trực tuyến tại 32/32 xã, thị trấn. Xây dựng và phát sóng truyền thanh các chương trình thời sự tổng hợp hàng ngày, hàng tuần; duy trì công tác thông tin tuyên truyền các chuyên mục chuyên đề trên hệ thống Đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở và trên Cổng thông tin điện tử của huyện. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được tổ chức rộng khắp, đa dạng, phong phú góp phần nâng cao sức khỏe người dân; thể thao thành tích cao được chú trọng đầu tư, dành nhiều huy chương các giải thi đấu quốc gia và Thành phố.

Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử

công cộng (hiện đã đạt 100% qua mạng, bảo đảm trong thời gian quy định). Kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa: phát hiện 26 điểm vi phạm và xử phạt số tiền là 172 triệu đồng. Đình chỉ các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường chưa đảm bảo các điều kiện hoạt động. Tiếp nhận các đoàn nghệ thuật, chiếu phim lưu động về phục vụ nhu cầu của nhân dân tại các xã, thị trấn. Đã tập trung các nguồn lực, tích cực huy động nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất văn hóa: Đã đầu tư 04 Trung tâm văn hóa xã, xây dựng mới 31 nhà văn hoá, nhiều sân vận động, sân thể thao, một số điểm vui chơi, giải trí tạo điều kiện cho nhân dân sinh hoạt văn hóa, tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao.

2.3.5 Khoa học công nghệ & đổi mới sáng tạo,

Khuyến khích người dân chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp văn hóa.

2.4. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ

Trên địa bàn huyện Chương Mỹ có 2 đô thị là Thị trấn Chúc Sơn và thị trấn Xuân Mai với dân số đô thị là 36.374 người và diện tích đất tự nhiên đô thị là 15,39 km².

Thị trấn Chúc Sơn nằm ở phía Đông Bắc huyện, tiếp giáp với quận Hà Đông, là trung tâm huyện lỵ của huyện Chương Mỹ là đô thị loại 5 với dân số: 12.077 người; diện tích đất tự nhiên: 4,87 km². Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chúc Sơn được lập năm 2005.

Thị trấn Xuân Mai nằm ở phía Tây Bắc huyện Chương Mỹ, tiếp giáp với tỉnh Hòa Bình, là đô thị loại 5, với quy mô dân số 24.297 người, diện tích tự nhiên là 10,52 km². Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Mai được lập năm 2007.

Khu vực dọc Quốc lộ 6 có tốc độ đô thị hóa tự phát nhanh, thiếu kiểm soát, bám dọc hành lang tuyến đường làm ảnh hưởng tới hoạt động giao thông và mỹ quan đô thị.

Huyện có 30 xã thuộc vùng nông thôn, chủ yếu là sản xuất trồng lúa nước. Dân số 264.783 người, chiếm 87,9% dân số toàn huyện. Diện tích tự nhiên 217,02km², chiếm 93,4% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Thực hiện quy hoạch phát triển các xã theo chương trình nông thôn mới, đến 12/2012 đã có 30/30 xã đã được lập và phê duyệt quy hoạch nông thôn mới, đạt 100% số lượng các xã cần lập quy hoạch.

Các cụm điểm dân cư phát triển bám dọc theo các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ, liên huyện và liên xã. Nhìn chung mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ sở nông thôn đủ về số lượng, nhưng chất lượng chưa cao.

2.5. THỰC TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

2.5.1 *Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*

- Hạ tầng giáo dục: Đến năm 2020 toàn huyện 124 trường học và 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trong đó huyện quản lý 116 trường học (111 trường công lập, 5 trường ngoài công lập), trong đó có 37 trường THCS, 38 trường

Tiểu học, 41 trường Mầm non (36 trường công lập, 5 trường ngoài công lập); với tổng số 79.458 học sinh. So với năm 2010: Tăng 02 trường; tăng 17.672 học sinh. Đã có 84 trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 76,4% (tăng 29 trường so với năm 2015); Trong đó có 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (03 trường Tiểu học, 01 trường THCS); cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đảm bảo phục vụ giảng dạy, học tập. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở 03 cấp học do huyện quản lý là 100%; trên chuẩn: khối mầm non là 86,77%, bậc tiểu học 92,73%, bậc THCS 83,4%. (Theo Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005, được sửa đổi bổ sung tại Luật giáo dục sửa đổi năm 2009).

- Hạ tầng y tế: Toàn huyện có 1 bệnh viện đa khoa (373 giường bệnh, tăng 123 giường so với năm 2010), 2 phòng khám khu vực, 1 trung tâm y tế, 32 trạm y tế xã, thị trấn, hàng trăm cơ sở hành nghề y dược tư nhân; 133 bác sỹ. 1 vạn dân có 3,8 bác sỹ và 10,9 giường bệnh.

2.5.2 *Thực trạng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn*

2.5.2.1 *Hiện trạng hệ thống giao thông*

a. Hiện trạng mạng lưới đường bộ

a.1. Giao thông đối ngoại:

*Quốc lộ: Trên địa bàn huyện có 02 quốc lộ gồm QL6, QL21, tổng chiều dài 37,4km:

- Quốc lộ 6: Là một trong các tuyến đường hướng tâm của Thủ đô Hà Nội, tuyến bắt đầu từ Hà Nội đến Lai Châu kết nối vùng Tây Bắc với vùng Đồng bằng sông Hồng. Để đáp ứng nhu cầu giao thông ngày càng tăng trên hành lang Tây Bắc - Hà

Nội. QL6 đã được nâng cấp mở rộng đạt tiêu chuẩn đường cấp III toàn tuyến, đoạn qua thành phố Hòa Bình đang được nghiên cứu xây dựng để kết nối với đại lộ Thăng Long thông qua đường cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình. Sau khi Đại lộ Thăng Long được đưa vào hoạt động, một phần lớn lưu lượng trên QL6 đoạn qua huyện Chương Mỹ đã được giảm tải nhờ sự phân bố lưu lượng giao thông thông qua đường Hồ Chí Minh GĐ I (QL21) qua Hòa Lạc và về Hà Nội. Đoạn QL6 chạy qua Chương Mỹ chiều dài 18,2km, gồm:

- + Đoạn qua thị trấn Chúc Sơn (Km19+800 – Km22+220) chiều dài 2,4km đã được đầu tư xây dựng cơ cấu mặt cắt B nền 56m, B mặt 34m viết tắt là B nền 56m(34m), mặt đường bê tông nhựa (BTN).

- + Đoạn đi qua các xã (Km22+220 – Km34+100) chiều dài 11,9km có Bnền hiện trạng (12m-40m)(7m-36m) mặt đường BTN và đang chuẩn bị khởi công xây dựng B nền50m-56m.

- + Đoạn qua thị trấn Xuân Mai (Km34+100-Km38+00) chiều dài 3,9km có bề rộng nền hiện trạng (12m-40m)(7m-36m) mặt đường BTN và đang chuẩn bị khởi công xây dựng B nền 60m.

- Quốc lộ 21:

- + Đoạn tuyến cũ còn lại 1km trước khi cải tuyến, B nền 21m(9m).

- + Đường Hồ Chí Minh giai đoạn I (Quốc lộ 21): Giai đoạn I có điểm đầu tại Hòa Lạc đến TP Hồ Chí Minh, giai đoạn II kéo dài đến Pắc Pó - Cao Bằng và mũi Cà Mau. Đường HCM song hành cùng Quốc lộ 1A ngoài vai trò an ninh Quốc phòng còn đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế vùng phía Tây của Việt Nam. Đến nay giai đoạn I đã hoàn thành và đưa vào khai thác với tiêu chuẩn đường cấp III. Đoạn thuộc địa phận Hà Nội từ Sơn Tây đến Cầu Cờ (huyện Chương Mỹ), sẽ là tuyến trực thuộc chuỗi các đô thị trong tương lai như Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai. Đoạn qua huyện Chương Mỹ, QL21 được sử dụng làm đường HCM GĐ I, chiều dài 18,2km, bắt đầu từ Xuân Mai giáp Cổ Thổ đến Cầu Cờ. Đoạn qua thị trấn Xuân Mai được cải tuyến và xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị, chiều dài 2,2km, B nền 29,5m (11m-12m), mặt đường BTN. Đoạn đi qua các xã chiều dài 16km, Bnền 29,5m(11m-12m), mặt đường BTN.

*Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện có 03 tuyến đường tỉnh và 01 tuyến đường chính do thành phố quản lý, tổng chiều dài 24km:

- Đường tỉnh 419 - ĐT419 (ĐT80 cũ): Đây là tuyến đường tỉnh quan trọng không chỉ đối với huyện Chương Mỹ mà còn đối với cả khu vực phía Tây Thủ đô Hà Nội, đi qua và kết nối nhiều huyện thuộc khu vực hành lang xanh như: Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức. Kết hợp với đường tỉnh ĐT 421B, ĐT429 tạo thành trục đường theo hướng Bắc Nam của khu vực phía Tây Hà Nội. Đoạn đi qua huyện Chương Mỹ, đi qua 8 xã, thị trấn gồm Tiên Phương, Ngọc Hòa, TT Chúc Sơn, Đại Yên, Hợp Đồng, Quảng Bị, Đồng Phú và Hòa Chính, chiều dài 19,6km, tiêu chuẩn đường cấp IV, Bnền 13m-16m(9m), mặt đường BTN.

- Đường tỉnh 421B - ĐT412B (ĐT81 cũ): bắt đầu từ Sài Sơn - Quốc Oai đến Xuân Mai- Chương Mỹ, tuyến đóng vai trò kết nối trung tâm kinh tế của 2 huyện: TT Quốc Oai và TT Xuân Mai. Đoạn qua huyện Chương Mỹ chiều dài 0,9 km, quy mô đường cấp IVđb, B nền 15m(8m-9m), mặt đường BTN, BTXM

- Đường tỉnh 429 - ĐT429 (ĐT73 cũ): bắt đầu từ Phú Minh (Phú Xuyên) đến Miếu Môn (Chương Mỹ), là tuyến đường ngang kết nối QL1A với QL21A (đường Hồ Chí Minh) theo hướng Đông Tây. Đoạn qua huyện chiều dài 1,7km, quy mô đường cấp III Bnền (12m-21m)(9m), mặt đường BTN.

- Đường chính thành phố - (Đường Phúc Lâm - Hạ Dục): bắt đầu từ Km0+00 (tiếp giáp đường 429) huyện Mỹ Đức đến Km4+500) (Đường 419) huyện Chương Mỹ. Đoạn qua huyện Chương Mỹ chiều dài 1,7km, B nền19m(5m-9m), mặt BTXM, BTN. (theo danh mục đường hiện trạng của thành phố Hà Nội theo Quyết định số: 833 /QĐ-SGTVT, ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Sở GTVT Hà Nội).

a.2. Giao thông đối nội:

*Đường huyện: Trên địa bàn huyện có 06 tuyến đường huyện, tổng chiều dài 69,4km:

- Đường Nguyễn Văn Trỗi: bắt đầu từ ĐT 419 đi đường Hồ Chí Minh GĐ I chiều dài 12km, Bnền 9m(7m-8m), mặt đường BTN.

- Đường trục phát triển kinh tế huyện: chạy dọc kênh Thập Cừu, qua các xã: Phú Nghĩa, Trường Yên, Đại Yên, Tốt Động, Hợp Đồng, Quảng Bị, Đồng Phú, bắt đầu từ Km 24+00 QL6 (Xã Phú Nghĩa) đến Trạm bơm Hạ Dục (xã Đồng Phú) chiều dài 10,5km, Bnền 6,5m(5,0m), đường BTXM.

- Đường du lịch Chùa Trầm: đi qua TT. Chúc Sơn, xã Phụng Châu, bắt đầu từ Km 20+00 QL6 (TT Chúc Sơn) đến Chùa Vô Vi (xã Phụng Châu), chiều dài 2,6km, Bền 9m(7m), mặt đường BTN.

- Đường máng 7: tuyến đường đi giữa đê hữu Đáy và ĐT419 qua các xã Ngọc Hoà, Chúc Sơn, Thuy Hương, Lam Điền, Hoàng Diệu, Thượng Vực, bắt đầu từ ĐT419 (xã Ngọc Hoà) đến xã Thượng Vực. Đã hoàn thành đầu tư xây dựng đoạn từ Chợ Cống đến xã Hoàng Diệu, chiều dài 7,05km, Bền 9m(7m), mặt BTXM. Đoạn từ xã Hoàng Diệu đến xã Thượng Vực đang thi công, chiều dài 3,06km, Bền 9m(7m), mặt đường BTXM.

- Đường đê hữu Đáy hiện hữu: bắt đầu từ QL6 đến ĐT419, đường này đi qua 8 xã, chiều dài 21km, B nền 6,5m(5m), mặt đường bê tông xi măng (BTXM).

- Đê tả sông Bùi: tuyến đi qua các xã Thủy Xuân Tiên, Thanh Bình, Trung Hòa, Tốt Động, Quảng Bị, bắt đầu từ QL6 (xã Thủy Xuân Tiên) đến đường trục phát triển kinh tế huyện (gần Trạm bơm Hạ Dục), chiều dài 13,26km, nền đường rộng 5,5m, mặt đường rộng 4,5m, đường BTXM.

*Đường liên xã: tổng chiều dài 107km, gồm 29 tuyến:

- Các tuyến đường Đông Phương Yên - Trung Hòa, Đường Nam Phương Tiến - Tân Tiến, Đường Tân Tiến - Nam Phương Tiến, Đường Hữu Văn - Hoàng Văn Thụ, Đường Hữu Văn - Mỹ Lương, Đường Mỹ Lương - Trần Phú, Đường Trần Phú - Đồng Lạc, Đường Thuy Hương - Đại Yên, Đường Cao Sơn - Non Nông - Phú Nghĩa, Đường Thượng Vực - Đồng Phú, Đường Thượng Vực - Hoà Chính, Đường Hồng Phong - Đồng Lạc, đường cầu Mụ, Đường khu Nam Phương Tiến B, B nền 6,5m(4,5m), mặt đường BTXM.

- Đường Lam Điền - Đại Yên, Đường Chợ Ròng - Đồng Phú, Đường Tân Tiến - Núi Thoang, Đường Trường Yên - Trục phát triển kinh tế huyện, B nền (6m-7m)(5m-6m), mặt đường BTN.

- Các tuyến đường Phụng Châu - Tiên Phương, Đường Trường Yên - Trung Hòa - Tốt Động, Đường Trường Yên - Trung Hòa, Đường Đông Sơn - Thanh Bình - Tân Tiến, Đường Hợp Đồng - Tốt Động, Đường Lam Điền - Hợp Đồng, Đường Hoàng Diệu - Hợp Đồng, Đường Quảng Bị - Mỹ Lương, Đường Hồng Phong - Trần Phú - Đồng Lạc, Đường Phụng Châu - Tân Hòa, đang thi công B nền 9m(7m), mặt đường BTN.

- Đường Thượng Vực - Quảng Bị đang thi công Bền 12m(11m), mặt đường BTN.

*Đường liên thôn: tổng chiều dài 21,9km, Bền (6,5m - 9,0m)(4,5m-7m), mặt đường BTXM hoặc BTN.

*Đường đô thị: tổng chiều dài 8,6km:

- Thị trấn Chúc Sơn: tổng chiều dài 3,8km: đường Bắc Sơn - Hòa Sơn, đường Hòa Sơn – Bình Sơn, đường tránh Chúc Sơn, đường Ninh Kiều - Tràng An, đường đi cụm công nghiệp Ngọc Sơn, Bền (9m-15,0m)(7m-9m), mặt đường BTN.

- Thị trấn Xuân Mai: tổng chiều dài 4,8km: đường Tân Xuân, Xuân Hà - Tân Xuân, Tân Bình - Chiến Thắng, đường vào trường PTTH Xuân Mai, đường vào lữ đoàn 201, Bền (7m-10m)(6m-9m), mặt đường BTN.

* Công trình cầu: gồm 04 cầu trên QL6, 01 cầu trên ĐT.419, và 23 cầu trên các tuyến đường GTNT, trong đó có 04 cầu bắc qua sông Đáy (cầu Lam Điền, Cầu Hòa Viên, cầu Văn Phương, cầu Mụ), có 08 bắc qua sông Bùi (cầu Tân Trượng, cầu Trí Thủy, cầu Cốc, cầu Gốm, cầu Đại Yên, cầu Zét, cầu Đàm Mơ, cầu Hạ Dục).

TT	Tên cầu	Tên Đường	Sông, kênh	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Loại kết cấu	Tình trạng cầu
I	Cầu trên Quốc lộ 6	QL6					
1	Cầu Tân Trượng	Km32+885	sông Tích	67,70	11,4	BTCT	Tốt
2	Cầu Quán Lát	Km34+533	nhánh sông Tích	19,10	12,6	Đá xây	Tốt
3	Cầu Xuân Mai	Km36+290	nhánh sông Bùi	23,23	12,6	Đá xây	Tốt
4	Cầu Năm Nu	Km37+625	nhánh sông Bùi	20,06	12,6	Đá xây	Tốt
II	Cầu trên Đường tỉnh						
1	Hòa Viên (xã Hòa Chính)	Hòa Chính đi Ứng Hòa	sông Đáy	188,5	8	BTCT	Tốt
III	Cầu trên tuyến GTNT						

TT	Tên cầu	Tên Đường	Sông,	Chiề	Bề	Loại	Tình
1	Cầu 1 (xã Phụng Châu)	Đường Chiến Thắng	kênh	10	4	BTCT	Tốt
2	Cầu 2 (xã Phụng Châu)			10	4	BTCT	Tốt
3	Cầu 3 (xã Phụng Châu)			10	4	BTCT	Tốt
4	Dền Khê (xã Đại Yên)	Trục KTXH huyện	kênh	12	4	BTCT	Tốt
5	Zét (xã Tốt Động)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	sông Bùi	60	10	BTCT	Tốt
6	Đại Yên (xã Đại Yên)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	sông Bùi	60	10	BTCT	Tốt
7	Bến Cốc (xã Thanh Bình - xã Tân Tiến)	Đường Đông Sơn - Thanh Bình - Tân Tiến	sông Bùi	70	10	Cầu thép	Xuống cấp nghiêm trọng
	Hạ Dục (xã Đồng Phú - xã Hồng Phong)	Đường Hồng Phong - Trần Phú	sông Bùi	70	10	BTCT	Đang cải tạo
	Thuần Lương (xã Hoàng Văn Thụ)	Đường Hữu Văn - Hoàng Văn Thụ	Nhánh sông Bùi	40	10	BTCT	Đang cải tạo
10	Yên Trình (xã Hoàng Văn Thụ)		Nhánh sông Bùi	45	10	BTCT	Đang cải tạo
11	Đầm Sẻ (xã Mỹ Lương)	Hữu Văn - Mỹ Lương	đầm	20	5	BTCT	Tốt
12	Gồm (xã Quảng Bị - xã Mỹ Lương)	Quảng Bị - Mỹ Lương	sông Bùi	60	9	BTCT	Tốt
13	Trí Thủy (xã Thủy Xuân Tiên)	Trục xã Thủy Xuân Tiên	sông Bùi	60	8	BTCT	Tốt
14	Đầm Mơ (xã Quảng Bị - xã Hồng Phong)	Quảng Bị - Mỹ Lương	sông Bùi	60	9,5	BTCT	Tốt
15	Đồng Lệ (xã Hợp Đồng)	Hợp Đồng - Tốt Động	kênh Thập Cừ	40	9	BTCT	Đang ĐTXD

TT	Tên cầu	Tên Đường	Sông,	Chiề	Bề	Loại	Tình
16	Quảng Bị 1 (xã Quảng Bị)	Quảng Bị - Mỹ Lương	kênh Thập Cửu	40	4	BTCT	Tốt
17	Quảng Bị 2 (xã Quảng Bị)	đi thôn 5	kênh Thập Cửu	40	4	BTCT	Tốt
18	Quảng Bị 3 (xã Quảng Bị)	đi thôn 5	kênh Thập Cửu	40	4	BTCT	Tốt
19	Quảng Bị 4 (xã Quảng Bị)	đi thôn 5 (gần trạm bơm Hạ Dục)	kênh Thập Cửu	40	4	BTCT	Tốt
20	Cầu Đồng Sờ (xã Hữu Văn)	đường thôn	sông Bùi	60	3	BTCT	Tốt
21	Lam Điền (xã Lam Điền)	đường thôn	sông Đáy	70	3	BTCT	Tốt
22	Cầu Mụ (xã Phú Nam An)	Phú Nam An đi Thanh Oai	sông Đáy	219,6	9	BTCT	Đang ĐTXD
23	Văn Phương (xã Văn Võ)	Văn Võ đi Thanh Oai	sông Đáy	175,3	9	BTCT	Tốt

* Bến xe, bãi đỗ xe: Trên địa bàn huyện chưa có bến xe khách huyện. Hiện tại chỉ có 01 bến xe tỉnh chức năng hoạt động gồm đỗ xe, cửa hàng tiện ích, trạm sửa xe rửa xe, không có hoạt động trung chuyển hành khách hàng hóa. Bến xe tỉnh tại vị trí khu Hòa Sơn, diện tích khoảng 0,62ha. Trên tuyến QL6, QL21 có 1 số điểm đón trả khách cho xe khách tuyến cố định liên tỉnh của bến xe thành phố.

TT	Lý trình		Vị trí		Địa bàn	
			T	P	Xã, Phường, Thị trấn	Quận, Huyện, Thị xã
I	QL6 (đoạn Hà Đông, Chương Mỹ)					
1	Km	20+00		x	TT Chúc Sơn	Chương Mỹ
2	km	20+00	x			
3	Km	24+350	x		Phú Nghĩa	Chương Mỹ
4	Km	24+450		x	Phú Nghĩa	Chương Mỹ
5	Km	29+700		x	Thanh Bình	Chương Mỹ

6	Km	29+600	x		Thị trấn Xuân Mai	Chương Mỹ
7	Km	34+400		x		
8	Km	34+350	x			
II	Đường Hồ Chí Minh (QL21) (đoạn Hòa Lạc-Xuân Mai)					
1	Km	420+600		x	Thị trấn Xuân Mai	Chương Mỹ
2	Km	420+600	x		Thị trấn Xuân Mai	Chương Mỹ

*** Giao thông công cộng:**

Chủ yếu là loại hình giao thông xe buýt: Trên địa bàn huyện có các tuyến xe buýt ngoại thành Hà Nội hoạt động trên Quốc lộ 6 và Quốc lộ 21 như: tuyến 37 (Giáp Bát - Chúc Sơn), tuyến 57 (Mỹ Đình - Chúc Sơn - KCN Phú Nghĩa), tuyến 72 Yên Nghĩa đi Xuân Mai, tuyến 87 Bến xe Mỹ Đình – Quốc Oai đi qua Xuân Mai, tuyến 88 Mỹ Đình – Hòa Lạc đi qua Xuân Mai; Tuyến 102 Yên Nghĩa – Vân Đình đi qua Chúc Sơn, theo tuyến QL6, ĐT419; tuyến 114 bến xe Yên Nghĩa – Miếu Môn theo tuyến QL6, ĐT419, QL21; tuyến 115 thị trấn Vân Đình Xuân Mai; tuyến 116 Yên Trung KCN Phú Nghĩa.

b. Đường sông:

- Sông Đáy: chảy từ Tân Sơn (Hà Nam) – Tế Tiêu – Ba Thá – Cẩm Đình -Sông Hồng, tổng chiều dài 120km, đoạn qua huyện Chương Mỹ có chiều dài khoảng 27km, bề rộng 50m-100m, thuộc đoạn sông Ba Thá- Cẩm Đình không có khả năng khai thác vận tải thủy do sông bị bồi lắng và cạn kiệt nước vào mùa khô.

- Sông Tích và sông Bùi có bề rộng lòng sông nhỏ, cạn kiệt nước vào mùa khô nên không khai thác vận tải, chỉ đáp ứng nhu cầu tưới tiêu nông nghiệp.

- Bến sông: Chỉ có một số bến nhỏ cho đồ ngang của tư nhân và các bến bốc xếp nhỏ lẻ, do xã quản lý. Cơ sở hạ tầng hầu như không được đầu tư, đường xuống bến là nền đất tự nhiên hoặc có rải cấp phối.

c. Đường hàng không:

Sân bay quân sự Miếu Môn: thuộc xã Trần Phú do bộ Quốc phòng quản lý. Chiều dài đường băng 3000m, phục vụ chính cho hoạt động quân sự, không hoạt động dân

sự.

Bảng : Hiện trạng hệ thống đường bộ trên địa bàn huyện

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (mặt đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
A	Giao thông đối ngoại					61,40			
I	Quốc lộ					37,4			
1	Quốc lộ 6		QL6	Km19+800	Km38+00	18,2			
	Đoạn qua thị trấn Chúc Sơn	TT Chúc Sơn		Km19+800	Km22+220	2,4	(56) (6+7+12+5+12+7+ 6)	BTN	ĐĐT
	Đoạn đi qua các xã	Phụng Châu, Tiên Phương, Đông Phương Yên, Đông Sơn, Thủy Xuân Tiên		Km22+220	Km34+100	11,9	(12-40)(7- 36)	BTN	III đb
	Đoạn qua thị trấn Xuân Mai	TT Xuân Mai		Km34+100	Km38+00	3,9	(12-40)(7- 36)	BTN	ĐĐT
2	Quốc lộ 21 (đoạn tuyến cũ)	TT Xuân Mai	QL21	Km29+820	Km30+820	1	21(9,0)	BTN	III đb

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (mặt đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
3	Quốc lộ 21 (Đường Hồ Chí Minh GD I)		QL21	Km419+800	Km438	18,2	29,5 (11,0-12,0)	BTN	
	Đoạn qua thị trấn Xuân Mai	TT Xuân Mai		Km419+800	Km422	2,2	29,5 (11,0-12,0)	BTN	ĐĐT
	Đoạn đi qua các xã	Nam Phương Tiến, Tân Tiến, Hoàng Văn Thụ, Hữu Văn		Km422	Km438	16	29,5 (11,0-12,0)	BTN	III đb
II	Đường tỉnh					24,0			
1	ĐT419	Tiên Phương, TT Chúc Sơn, Đại Yên, Hợp Đồng, Quảng Bị, Hồng Phong, Hòa Chính	ĐT419	Km24+00	Km43+550	19,6	(13,0-16,0) (9,0)	BTN	IV đb

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
2	ĐT421B	TT Xuân Mai	ĐT42 1B	Km16	Km17	1,0	15,0(9,0-8,0)	BTN, BTXM	IV đb
3	ĐT429	Trần Phú	ĐT42 9	Km30	Km31+700	1,7	(12,0-21,0) (11,0)	BTN	IIIđb
4	Đường chính thành phố (Đường Phú Lâm - Hạ Dục)	Hồng Phong		Km2+800	Km4+500	1,7	19,0(5,0-9,0)	BTXM, BTN	ĐĐT
B	Giao thông cấp huyện					206,9			
I	Đường huyện					69,4			
1	Đường Nguyễn Văn Trỗi	TT Chúc Sơn, Đại Yên, Ngọc Hòa, Tốt Động, Hữu Văn, Mỹ Lương	H01	ĐT419, TT Chúc Sơn	QL21, xã Mỹ Lương	11,9	9,0(7,0-8,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
2	Đường trục phát triển kinh tế huyện	Phú Nghĩa, Trường Yên, Đại Yên, Tốt Động, Hợp Đồng, Quảng Bị, Đồng Phú	H02	Km 24+00, Quốc lộ 6 (Xã Phú Nghĩa)	Trạm bơm Hạ Dục (xã Đồng Phú)	10,5	6,5(5,0)	BTXM	
3	Đường du lịch Chùa Trầm	TT Chúc Sơn, Phụng Châu	H03	Km 20+00, Quốc lộ 6 (TT Chúc Sơn)	Chùa Vô Vi (xã Phụng Châu)	2,6	9,0(7,0)	BTN	
4	Đường máng 7	Ngọc Hoà, Chúc Sơn, Thụy Hương, Lam Điền, Hoàng Diệu, Thượng Vực	H04	ĐT419 (xã Ngọc Hoà)	xã Thượng Vực	10,1	9,0(7,0)	BTXM	
5	Đường đê hữu Đáy hiện hữu	Chúc Sơn, Thụy Hương, Lam Điền, Hoàng Diệu, Thượng Vực, Văn Võ, Phú Nam An, Hòa	H05	QL6 (TT Chúc Sơn)	ĐT 419 (xã Hòa Chính)	21,0	6,5(5,0)	BTXM	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (mặt đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
		Chính							
6	Đường đê tả Bùi	Thủy Xuân Tiên, Thanh Bình, Trung Hòa, Tốt Động, Quảng Bị	H06	Quốc lộ 6 (xã Thủy Xuân Tiên)	Đường trục phát triển kinh tế huyện (gần Trạm bơm Hạ Dục)	13,3	6,5(4,5)	BTXM	
II	Đường liên xã					107,0			
7	Đường Phụng Châu - Tiên Phương	Phụng Châu, Tiên Phương	H07	Tiếp giáp huyện Quốc Oai	ĐT419 (xã Tiên Phương)	4,0	7,0(6,0)	BTN	
8	Đường Trường Yên - Trung Hòa - Tốt Động	Trường Yên, Trung Hòa, Tốt Động	H08	Km29, QL6 (xã Trường Yên)	Đường đê tả Bùi (xã Tốt Động)	4,7	9,0(7,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
9	Đường Trường Yên - Trung Hòa	Trường Yên, Trung Hòa,	H09	Đường Trường Yên - Trung Hoà - Tốt Động (Xã Trường Yên)	Đê tả Bùi (xã Trung Hòa)	2,5	9,0(7,0)	BTN	
10	Đường Đông Phương Yên - Trung Hòa	Đông Phương Yên, Trung Hòa	H10	QL6 (xã Đông Phương Yên)	Ngã 3 (gần UBND xã Trung Hòa)	1,1	6,5(4,5)	BTXM	
11	Đường Đông Sơn - Thanh Bình - Tân Tiến	Đông Sơn - Thanh Bình - Tân Tiến	H11	QL6, xã Thanh Bình	Đường HCM, xã Tân Tiến	7,7	9,0(7,0)	BTN	
12	Đường Hoàng Văn Thụ - Nam Phương Tiến	Hoàng Văn Thụ, Nam Phương Tiến	H12	Xã Hoàng Văn Thụ	Đường Tân Tiến - Nam Phương Tiến	3,5	6,5(4,5)	BTXM	
13	Đường Tân Tiến - Nam Phương	Tân Tiến, Nam Phương	H13	Xã Tân Tiến	UBND xã Nam Phương	1,6	6,5(4,5)	BTXM	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (mặt đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
	Tiến	Tiến			Tiến				
14	Đường Tân Tiến - Núi Thoong	Tân Tiến, Nam Phương Tiến	H14	Đường Đông Sơn - Thanh Bình - Tân Tiến (xã Tân Tiến)	Doanh trại quân đội, xã Nam Phương Tiến	5,9	7,0(6,0)	BTN	
15	Đường Hữu Văn - Hoàng Văn Thụ	Hữu Văn, Hoàng Văn Thụ	H15	Đường Nguyễn Văn Trỗi (xã Hữu Văn)	Thôn Yên Trình, xã Hoàng Văn Thụ	1,8	12,0(11,0)	BTN	
16	Đường Hữu Văn - Mỹ Lương	Hữu Văn, Mỹ Lương	H16	Đường Nguyễn Văn Trỗi (xã Hữu Văn)	Đường Hồng Phong - Trần Phú (xã Mỹ Lương)	4,5	9,0(7,0)	BTN	
17	Đường Mỹ Lương - Trần Phú	Mỹ Lương, Trần Phú	H17	Đường trực thôn Mỹ Lương (xã Trần Phú)	Đường Hồng Phong - Trần Phú	2 ,6	6,5(4,5)	BTXM	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
				Mỹ Lương)	(A31, xã Trần Phú)				
18	Đường Hồng Phong - Trần Phú - Đồng Lạc	Hồng Phong, Trần Phú, Đồng Lạc	H18	Đường Hạ Dục - Phúc Lâm (ngã 3 xã Hồng Phong)	Tiếp giáp với xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức (A31, xã Trần Phú)	7 ,0	9,0(7,0)	BTN	
19	Đường Trần Phú - Đồng Lạc	Trần Phú, Đồng Lạc	H19	Đường Hồng Phong - Trần Phú (xã Trần Phú)	UBND xã Đồng Lạc	3,2	6,5(4,5)	BTXM	
20	Đường Hồng Phong - Đồng Lạc	Hồng Phong, Đồng Lạc	H20	Cầu Đàm Mơ, Đường Hồng Phong - Trần Phú (chợ Sẻ, xã Hồng Phong)	Tiếp giáp huyện Mỹ Đức	3,7	6,5(4,5)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
21	Đường Thuy Hương - Đại Yên	Thuy Hương, Đại Yên	H21	Đường đê hữu Đáy (xã Thuy Hương)	ĐT 419 (xã Đại Yên)	3,9	9,0(7,0)	BTN	
22	Đường Lam Điền - Đại Yên	Lam Điền, Đại Yên	H22	đường đê hữu Đáy (xã Lam Điền)	ĐT.419 (xã Đại Yên)	4,6	6,0(5,0)	BTN	
23	Đường Hợp Đồng - Tốt Động	Hợp Đồng, Tốt Động	H23	ĐT 419 (thôn Đồng Lệ, xã Hợp Đồng)	Đường đê tả Bùi (xã Tốt Động)	3,4	9,0(7,0)	BTN	
24	Đường Lam Điền - Hợp Đồng	Lam Điền, Hợp Đồng	H24	Đường đê hữu Đáy (xã Lam Điền)	ĐT 419 (thôn Thái Hoà, xã Hợp Đồng)	2,1	6,5(4,5)	BTXM	
25	Đường Hoàng Diệu - Hợp Đồng	Hoàng Diệu, Hợp Đồng	H25	Đường đê hữu Đáy (thôn An Vọng, xã Hợp Đồng)	ĐT 419 (thôn Đạo Ngạn, xã Hợp Đồng)	2,9	9,0(7,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
				Hoàng Diệu)					
26	Đường Quảng Bị - Mỹ Lương	Quảng Bị, Mỹ Lương	H26	ĐT 419 (thôn 2, xã Quảng Bị)	Đường Hữu Văn - Mỹ Lương (xã Mỹ Lương)	2,6	9,0(7,0)	BTN	
27	Đường Thượng Vực - Quảng Bị	Thượng Vực, Quảng Bị,	H27	Chợ Rông, xã Thượng Vực	ĐT419 (xã Quảng Bị)	3,5	12,0(11,0)	BTN	
28	Đường Thượng Vực - Đồng Phú	Thượng Vực, Đồng Phú	H28	Đường Thượng Vực - Quảng Bị (thôn Trung Vực, xã Thượng Vực)	ĐT419 (ngã 4 cầu Hạ Dục, xã Đồng Phú)	2,2	6,5(4,5)	BTXM	
29	Đường Chợ Rông - Đồng Phú	Xã Thượng Vực, Xã Đồng Phú	H29	Chợ Rông, xã Thượng Vực	ĐT419 (xã Đồng Phú)	2,5	7,0(6,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
30	Đường Thượng Vực - Hoà Chính	Thượng Vực, Hoà Chính	H30	Chợ Rông, xã Thượng Vực	Đường đê hữu Đáy (xã Hoà Chính)	3,6	6,5(5,0)	BTN	
31	Đường Cao Sơn - Non Nông - Phú Nghĩa	Tiên Phương, Ngọc Hòa, Phú Nghĩa	H31	QL6 (xã Tiên Phương)	đường trục PTKT huyện (xã Phú Nghĩa)	3,6	5,0(4,5)	BTXM	
32	Đường Phụng Châu - Tân Hòa	Phụng Châu	H32	Xã Phụng Châu	Xã Phụng Châu	4,1	9,0(7,0)	BTN	
33	Đường cầu Mụ	Phú Nam An	H33	Đường đê hữu Đáy, xã Phú Nam An	Cầu Mụ, xã Phú Nam An	1,0	6,5(4,5)	BTXM	
34	Đường Trường Yên - Trục phát triển kinh tế huyện	Trường Yên	H34	Đường Trường Yên - Trung Hoà - Tốt Động (Xã Trường Yên)	Đường trục PTKT huyện (xã Trường Yên)	4,6	7,0(6,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
35	Đường khu Nam Phương Tiến B	Nam Tiến Phương	H35	Đường Hồ Chí Minh (xã Nam Phương Tiến	Tiếp giáp huyện Lương Sơn, Hoà Bình	8,6	6,5(4,5)	BTXM	
II	Đường liên thôn					21,9			
1	Đường Phụng Châu (Đường từ Quốc lộ 6 vào UBND xã Phụng Châu)	Phụng Châu	X01	Tiếp giáp phường Biên Giang, quận Hà Đông	Đường Phụng Châu - Tiên Phương	2,2	7,0(6,0)	BTN	
2	Đường Phú Nghĩa (Đường đi qua UBND xã Phú Nghĩa)	Phú Nghĩa	X02	QL6 (xã Phú Nghĩa)	Thôn Phú Vinh, xã Phú Nghĩa	1,2	7,0(6,0)	BTN	
3	Đường Giáp Nhất	Đông Phương Yên	X03	QL6 (xã Đông Phương Yên)	Đông Phương Yên	2,0	7,0(6,0)	BTN	
4	Đường Đông Sơn	Đông Sơn	X04	QL6, xã	Huyện	3,4	7,0(6,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (mặt đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
	- Quốc Oai			Đông Sơn	Quốc Oai				
5	Đường trục xã Thủy Xuân Tiên	Thủy Xuân Tiên	X05	QL6, xã Thủy Xuân Tiên	Đường Hồ Chí Minh (xã Thủy Xuân Tiên)	4,0	9,0(7,0)	BTN, BTXM	
6	Đường Xuân Linh	Thủy Xuân Tiên	X06	Đường Hồ Chí Minh (xã Thủy Xuân Tiên)	Tiếp giáp xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, Hoà Bình	2,2	7,0(6,0)	BTXM	
7	Đường Văn Mỹ	Hoàng Văn Thụ	X07	Đường Hồ Chí Minh (xã Hoàng Văn Thụ)	Tiếp giáp huyện Lương Sơn, Hoà Bình	2,1	6,5(4,5)	BTXM	
8	Đường trục thôn Mỹ Lương	Hữu Văn, Mỹ Lương	X08	Đường Hữu Văn - Mỹ Lương (Chùa thôn	Đường Nguyễn Văn Trỗi (xã Mỹ	3,8	6,5(4,5)	BTXM	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
				Mỹ Lương)	Lương)				
9	Đường Văn Phuong	Văn Võ	X09	Đê hữu Đáy, xã Văn Võ	Cầu Văn Phuong	1,0	6,5(5,0)	BTN	
III	Đường đô thị					8,6			
1	Đường Bắc Sơn - Hòa Sơn	TT Chúc Sơn	ĐĐT	Bưu điện huyện, TT Chúc Sơn	Hiệu sách, TT Chúc Sơn	0,6	15,0(9,0)	BTN	
2	Đường tránh TT Chúc Sơn	TT Chúc Sơn	ĐĐT	ĐT419 (nhà khách huyện)	ĐT419 (trụ sở Phòng TC-KH và Trung tâm PTQĐ huyện)	0,3	15,0(9,0)	BTN	
3	Đường Bắc Sơn - Bình Sơn	TT Chúc Sơn	ĐĐT	Quốc lộ 6, TT Chúc Sơn	ĐT 419	0,8	13,0(9,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
	Đường Ninh Kiều - Tràng An	TT Chúc Sơn	ĐĐT	Đê hữu Đáy, TT Chúc Sơn	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật TP Hà Nội	1,3	13,0(7,0- 9,0)	BTN	
5	Đường cụm công nghiệp Ngọc Sơn	TT Chúc Sơn	ĐĐT			0,8	13,0(9,0)	BTN	
6	Đường Tân Xuân	TT Xuân Mai	ĐĐT	QL21	Đường khu Phố	0,3	7,0(6,0)	BTN	
7	Đường Xuân Hà - Tân Xuân	TT Xuân Mai	ĐĐT	QL21	Đường khu Phố	1,4	10,0(7,5)	BTN	
8	Đường Tân Bình - Chiến Thắng	TT Xuân Mai	ĐĐT	Đường Xuân Hà - Tân Xuân	Khu Chiến Thắng	1,4	10,0(7,5)	BTXM	
9	Đường vào trường PTTH Xuân Mai	TT Xuân Mai	ĐĐT	QL6, TT Xuân Mai	Trường PTTH Xuân Mai	0,6	10,0(7,5)	BTN	
10	Đường vào lữ	TT Xuân Mai	ĐĐT	QL 6, TT	Lữ đoàn	1,1	8,0(6,0)	BTN	

T T	Tên đường	Địa danh	Kí hiệu	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cơ cấu mặt cắt đường (nền đường) (m)	Kết cấu mặt đường	Cấp đường
	đoàn 201			Xuân Mai	201				
	Tổng					268,32			

d. Đánh giá hiện trạng hệ thống giao thông huyện Chương Mỹ:

- Loại hình giao thông hiện có trên địa bàn huyện Chương Mỹ hiện nay chủ yếu là giao thông đường bộ. Đường sông không có khả năng hoạt động vận tải thủy nội địa và sân bay quân sự Miếu Môn nhưng không hoạt động dân sự.

- Các tuyến giao thông đối ngoại QL6, QL21 mang chức năng phân phối chính của vùng đều nằm ven đường địa giới hành chính của huyện, tuy nhiên là trục ngang chính đi qua trung tâm thị trấn Chúc Sơn và trục ngang chính đi qua trung tâm thị trấn Xuân Mai, gây ảnh hưởng rất lớn đến an toàn giao thông và ảnh hưởng môi trường tiếng ồn do mật độ các phương tiện giao thông tải trọng lớn đi lại thường xuyên suốt đêm ngày. Tuy nhiên các xã ở khu vực xa sẽ khó khăn hơn với việc tiếp cận với các tuyến QL do các tuyến đường liên xã quy mô bề rộng nhỏ hẹp và đường ngoằn ngoèo phương tiện di chuyển với tốc độ thấp. Vì vậy cần thiết xây dựng các tuyến trục ngang phụ, trục dọc phụ quy mô đường đáp ứng tốc độ thiết kế 50-80km/h nhằm đóng vai trò hỗ trợ 02 quốc lộ. QL6 đang trở thành trục dọc đạo qua sông Đáy qua cầu Mai Lĩnh.

- Mạng lưới đường tỉnh, đường huyện dạng nan quạt cho phép thu hút và phân bổ nhanh chóng nhất hàng hóa, hành khách ra vào trung tâm huyện và về mọi tiểu vùng của huyện, giúp Chúc Sơn trở thành một đầu mối kinh tế lớn của huyện. Tuy nhiên dân cư tập trung đông đúc bám dọc 2 bên tuyến đường nên khó có khả năng đền bù giải tỏa, cần thiết xây dựng các tuyến đường mới thay thế.

- Mật độ mạng lưới đường tương đối cao so với các huyện lân cận nhưng chưa có tuyến liên hệ các trung tâm các xã phía Tây với các xã phía Đông, các xã phía Bắc với phía Nam đã có tuyến trục phát triển kinh tế huyện tuy nhiên quy mô bề rộng còn quá nhỏ chưa được đầu tư xây dựng.

- Chưa có bến xe khách huyện.

2.5.2.2. Hệ thống cấp nước:

a. Cấp nước đô thị:

- Thị trấn Chúc Sơn đã có hệ thống cấp nước tập trung, số hộ dân thị trấn được cấp nước sạch là 2.642 hộ, đạt 81,47%. Trạm cấp nước thị trấn Chúc Sơn vị trí trạm tại thôn Tràng An với công suất 2.000 m³/ngày đêm, khai thác nguồn nước ngầm.

- Thị trấn Xuân Mai đã có hệ thống cấp nước tập trung, số hộ dân thị trấn được cấp nước sạch là 2.805 hộ, đạt 49,95%. Sử dụng nguồn nước nhà máy nước sông Đà,

công suất 300.000 m³/ngày.đêm, khai thác nguồn nước mặt sông Đà thông qua trạm bơm tăng áp vị trí trạm gần cầu Xuân Mai. Các hộ dân còn lại sử dụng giếng khoan công suất nhỏ để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

- Ngoài ra, thị trấn còn có trạm cấp nước của trường Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam, công suất trạm 3.000 m³/ngày.đêm, vị trí trạm trong trường đại học Lâm Nghiệp, khai thác nguồn nước ngầm, phục vụ cho cán bộ, giáo viên và sinh viên của trường.

b. Cấp nước nông thôn:

- Hiện nay địa bàn huyện có tổng số 10 trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung, trong đó 02 trạm cấp nước bền vững, 03 trạm ngừng hoạt động, 05 trạm xây dựng dở dang chưa đi vào hoạt động. Số hộ đã sử dụng nước sạch từ nguồn cấp nước sạch tập trung là 9.688 hộ, đạt 11,66%, tỷ lệ số hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước nhỏ lẻ 88,34%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Bảng: Trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung

TT	Tên công trình	Công suất (m³/ngày.đêm)	Hiện trạng hoạt động
1	<i>Xã Trung Hòa</i>		
	Trạm cấp nước Trung Hòa - Trường Yên, vị trí trạm tại cấp nước thôn Trung Cao xã Trung Hòa, thác nguồn mặt sông Bùi	3.600m ³ /ngày.đêm	Hoạt động tốt cung cấp nước sinh hoạt cho toàn xã và cấp nước cho xã Trường Yên.
2	<i>Xã Hợp Đồng</i>		
	Vị trí trạm cấp nước tại thôn Thái Hòa, khai thác nguồn nước ngầm	500m ³ /ngày.đêm	Hoạt động tốt cung cấp nước sinh hoạt cho toàn xã
3	<i>Xã Hồng Phong</i>		

TT	Tên công trình	Công suất (m ³ /ngày.đêm)	Hiện trạng hoạt động
	Vị trí trạm cấp nước tại thôn Thượng, khai thác nguồn nước ngầm	1.000 m ³ /ngày.đêm	Xây dựng dở dang từ năm 2001-2002. Đã có 1 giếng khoan trong khuôn viên trường học nhưng chưa có bơm giếng khoan khai thác. Vị trí trạm nằm trong ranh giới mở đường quy hoạch
4	<i>Xã Trần Phú</i>		
	Vị trí trạm cấp nước tại thôn Đồng Ké, khai thác nguồn nước ngầm	200 m ³ /ngày.đêm	Ngừng hoạt động từ năm 2007. Trạm cấp nước phục vụ cho 3 thôn: Vôi Đá, Miếu Môn và Đồng Ké.
5	<i>Xã Tân Tiến</i>		
5.1	Trạm cấp nước số 1 tại thôn Tiên Tiên, khai thác nguồn nước ngầm	450 m ³ /ngày.đêm	Xây dựng dở dang từ năm 2010. Đã có giếng khoan khai thác nước. Trạm cấp nước sinh hoạt phục vụ cho thôn Tiên Tiên
5.2	Trạm cấp nước số 2 tại thôn Phương Hạnh và thôn Tân Hội, khai thác nguồn nước ngầm	500 m ³ /ngày.đêm	Ngừng hoạt động từ năm 2009. Đã có giếng khoan khai thác nước, nhưng giếng khoan trong vùng đá ong. Ống dẫn nước từ giếng về trạm xử lý đã hỏng. Trạm cấp nước sinh hoạt phục vụ cho 2 thôn Phương Hạnh và Tân Hội
6	<i>Xã Tiên Phương</i>		
	Vị trí trạm cấp nước tại thôn Tiên Lữ và thôn Quyết Tiến, khai thác nguồn nước ngầm	450 m ³ /ngày.đêm	Xây dựng dở dang từ năm 2010. Trạm cấp nước sinh hoạt phục vụ cho 2 thôn Tiên Lữ và Quyết Tiến
7	<i>Xã Hoàng Diệu</i>		

TT	Tên công trình	Công suất (m ³ /ngày.đêm)	Hiện trạng hoạt động
	Vị trí trạm cấp nước phía sau Ủy ban nhân dân xã và trạm y tế, khai thác nguồn nước ngầm	1.440 m ³ /ngày.đêm	Xây dựng dở dang từ năm 2012-2013. Có 4 giếng khoan, có điện và máy bơm. Đã chảy thử lên miệng giếng. Chưa kết nối đường ống dẫn nước
8	<i>Xã Phú Nam An</i>		
	Vị trí trạm cấp nước đối diện Ủy ban nhân dân xã, khai thác nguồn nước ngầm	1.100 m ³ /ngày.đêm	Xây dựng dở dang từ năm 2012-2013. Đã có 03 giếng khai thác độ sâu 60m-70m, chưa có bơm, đã xây dựng tuyến ống truyền tải. Trạm cấp nước sinh hoạt phục vụ cho toàn xã.
9	<i>Xã Nam Phương Tiến</i>		
	Vị trí trạm cấp nước tại Nhân Lý, khai thác nguồn nước ngầm	500 m ³ /ngày.đêm	Ngừng hoạt động từ năm 2004. Không có giếng khoan khai thác

(Nguồn: Phòng Quản lý đô thị - huyện Chương Mỹ)

- Trạm cấp nước khu công nghiệp Phú Nghĩa, công suất 6.000 m³/ngày.đêm, khai thác nguồn nước mặt sông Tích, vị trí trạm trong khu công nghiệp, cấp nước khu công nghiệp Phú Nghĩa.

- Trạm cấp nước trường Đại học sư phạm Thủ Đức - Thủ Đức, vị trí trạm tại xã Phụng Châu, công suất 2.000 m³/ngày.đêm, khai thác nguồn nước ngầm, phục vụ cho cán bộ, giáo viên và sinh viên của trường.

Bảng: Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Chương Mỹ

STT	Địa bàn (xã)	Tổng số hộ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý	Số hộ đã sử dụng nước sạch từ nguồn cung cấp nước sạch tập trung		Số hộ chưa sử dụng nước sạch	
			Số hộ	Tỷ lệ%	Số hộ	Tỷ lệ%
	Tổng số	83.075				
I	Thành thị	8.859				
1	Thị trấn Chúc Sơn	3.243	2.642	81,47	601	18,53
2	Thị trấn Xuân Mai	5.616	2.805	49,95	2.811	50,05
II	Nông thôn	74.216		-		
1	Xã Phụng Châu	3.108		-	x	
2	Xã Tiên Phương	4.104	41	1,00	4.063	99,00
3	Xã Đông Sơn	2.526		-	x	
4	Xã Đông P.Yên	2.780		-	x	
5	Xã Phú Nghĩa	3.111		-	x	
6	Xã Trường Yên	2.819	1.752	62,15	1.067	37,85
7	Xã Ngọc Hoà	2.380	59	2,48	2.321	97,52
8	Xã Thuỷ Xuân Tiên	4.784	1.125	23,52	3.659	76,48
9	Xã Thanh Bình	1.813		-	x	100,00
10	Xã Trung Hòa	2.557				56,36

STT	Địa bàn (xã)	Tổng số hộ trên địa bàn thuộc phạm vi	Số hộ đã sử dụng nước sạch từ nguồn cung cấp nước sạch tập trung		Số hộ chưa sử dụng nước sạch	
			1.116	43,64	1.441	
11	Xã Đại Yên	1.661	78	4,70	1.583	95,30
12	Xã Thụy Hương	2.256		-	x	
13	Xã Tốt Động	3.422		-	x	
14	Xã Lam Điền	3.002		-	x	
15	Xã Tân Tiến	2.700		-	x	
16	Xã Nam P.Tiến	2.336		-	x	
17	Xã Hợp Đồng	1.864	70	3,76	1.794	96,24
18	Xã Hoàng Văn Thụ	3.185		-	x	
19	Xã Hoàng Diệu	2.691		-	x	
20	xã Hữu Văn	2.211		-	x	
21	Xã Quảng Bị	3.105		-	x	
22	Xã Mỹ Lương	2.158		-	x	
23	Xã Thượng Vực	1.706		-	x	
24	Xã Hồng Phong	1.132		-	x	

STT	Địa bàn (xã)	Tổng số hộ trên địa bàn thuộc phạm vi	Số hộ đã sử dụng nước sạch từ nguồn cung cấp nước sạch tập trung		Số hộ chưa sử dụng nước sạch	
25	Xã Đồng Phú	1.596		-	x	
26	Xã Trần Phú	2.463		-	x	
27	Xã Văn Võ	2.154		-	x	
28	Xã Đồng Lạc	1.481		-	x	
29	Xã Hoà Chính	1.768		-	x	
30	Xã Phú Nam An	1.343		-	x	
	Tỷ lệ nước sạch toàn huyện		9.688	11,66		

(Nguồn: Phòng Quản lý đô thị - huyện Chương Mỹ)

c. Đánh giá hiện trạng cấp nước

- Huyện Chương Mỹ khó khăn về nguồn nước cấp cho sinh hoạt do huyện nằm cách xa sông Hồng và sông Đà là hai con sông lớn có khả năng là nguồn nước cấp cho sinh hoạt và nước ngầm tại các xã miền Đáy bị nhiễm Asen.

- Phần lớn dân cư tại huyện Chương Mỹ sử dụng các công trình cấp nước riêng lẻ tại hộ gia đình như: nước giếng khoan, giếng đào.

- Tại khu vực nông thôn, số hộ gia đình sử dụng nước từ các hệ thống cấp nước tập trung còn thấp, trong khi các trạm cấp nước có quy mô nhỏ, khó đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước sạch.

2.5.2.3. Hệ thống thoát nước, thủy lợi:

a. Hệ thống thủy lợi

* **Kênh mương, trạm bơm:**

Tưới bằng hồ đập: Nguồn tưới bằng hồ đập được lấy từ 3 hồ lớn là Đồng Suong, Văn Sơn và Miếu. Tổng dung tích hữu ích là 14,5 triệu m³, phục vụ tưới cho 1.650ha các xã vùng Hữu Bùi gồm: Thị trấn Xuân Mai, Thủy Xuân Tiên, Tân Tiến, Nam Phương Tiến, Hoàng Văn Thụ, Hữu Văn, Mỹ Lương, Trần Phú, Đồng Lạc. Các hồ trên được xây dựng từ những năm 1965 – 1970 do vậy hiện nay lòng hồ bị bồi lắng và lấn chiếm xung quanh, dung tích thực tế không còn như thiết kế. Công ty đầu tư phát triển thủy lợi sông Đáy đang triển khai các dự án cải tạo bờ đập, tràn và công điều tiết tại hồ Đồng Xương và hồ Miếu.

Tưới, tiêu bằng trạm bơm: Toàn huyện có 211 trạm bơm, trong đó có 158 trạm bơm tưới với 217 máy, tổng công suất 169.555 m³/h, 34 trạm bơm tiêu với 142 máy, tổng công suất 464.960 m³/h. 19 trạm tưới tiêu kết hợp với 54 máy, tổng công suất 62.500 m³/h.

Kênh: Tổng số kênh cấp 2, cấp 3: 505km, đã cứng hóa 200,5km. Trong đó:

Kênh tưới: 403km, đã cứng hóa 200km.

Kênh tiêu: 102km đã cứng hóa 0,5km.

*** Đê điều:**

Khu vực Chúc Sơn tuyến đê chính với chiều dài 21,82km có nhiệm vụ bảo vệ Thủ đô Hà Nội khi mưa úng lớn xảy ra, ngăn lũ rừng ngang và lũ nội địa.

Đê Tả Tích dài 0,6km, từ cuối thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn đến Cấn Hạ (Quốc Oai), làm nhiệm vụ ngăn lũ rừng ngang và bảo vệ khi phân, chậm lũ. Mặt đê rộng từ 5-7m, cao trình mặt (+10m). Hiện trạng đê tốt, các công trình trên và dưới đê đảm bảo yêu cầu của công tác phòng chống lụt bão.

Đê Hữu Đáy dài 21,15km, làm nhiệm vụ bảo vệ khu vực trong đê khi sông Đáy phải chuyển lưu lượng tối đa 2.500m³/s từ sông Hồng trên cơ sở trận lũ lịch sử 1971. Mặt đê rộng từ 4-5m, cao độ mặt đê từ (+8,0m) đến (+10,0m). Hiện trạng đê đảm bảo yêu cầu phòng chống lũ, lụt.

Đê Tả Bùi dài 14,7km, từ thôn Trung Hoàng, xã Thanh Bình đến thôn 5, xã Quảng Bị và 4km đường kết hợp TL419 từ thôn Hạ Dục (xã Đồng Phú) đến thôn Lưu Xá (xã Hòa Chính). Mặt đê rộng từ 4-5m, cao độ từ (+7,5m) đến (+8,0m). Đê có nhiệm vụ chống lũ rừng ngang của sông Bùi từ Lương Sơn-Hòa Bình đổ về, bảo vệ vùng trọng điểm lúa mùa của huyện.

Đê Quốc lộ 6 dài 5,9km, từ núi Đìa xã Tiên Phương đến đê 1, xã Đông Phương Yên, là tuyến đê chống lũ được đắp sau lũ lịch sử năm 1971, dựa chủ yếu vào nền QL6 cũ, đắp trạch mặt rộng 2m, cao trình từ (+8,5m) đến (+11,0m); Chất lượng đê không đảm bảo chắc chắn vì khi đắp là đắp áp trực, đầm nén chủ yếu bằng thủ công. Từ 1972 đến nay, đê chưa được thử thách, ít được tu bổ.

Đê Tó: dài 120m. Cao độ mặt đê (+12m), chất lượng còn đảm bảo.

Các tuyến đê chính của huyện đã cơ bản được cứng hóa mặt đê, trừ đê QL 6, đảm bảo đi lại thuận lợi cho nhân dân, kết hợp phòng chống lụt bão. Tuy nhiên đê chủ yếu chỉ nâng cấp trên cơ sở thân đê cũ nên mặt đê hẹp; cống tiêu dưới đê được xây dựng từ lâu, chất lượng đã xuống cấp. Nhiều tuyến đê từ khi xây dựng chưa qua thử thách, không phát hiện được các tổ mối, điểm yếu của đê.

Ngoài các tuyến đê chính trên, huyện còn một số tuyến đê bao như đê hữu Bùi, đê bao Thổ Ngõa, đê Bùi 2... Tổng chiều dài khoảng gần 40km. Những tuyến này có nhiệm vụ khoanh vùng chống úng cục bộ và ngăn lũ sông Bùi, Sông Tích khi lũ không lớn. Hiện trạng các tuyến đê này đang xuống cấp nghiêm trọng, thân đê nhỏ, mái đê bị sụt, nhiều vị trí các công trình dưới đê bị hư hỏng, các tuyến này cần được khảo sát để sửa chữa và nâng cấp phục vụ sản xuất và dân sinh.

*** Đặc điểm sông ngòi**

Sông ngòi có ảnh hưởng lớn tới nguồn nước của huyện Chương Mỹ. Trên địa bàn huyện Chương Mỹ có 3 sông chính:

- Sông Đáy: Sông Đáy bắt nguồn từ Hát Môn và đổ ra biển tại cửa Đáy. Sông Đáy là ranh giới phía Đông của huyện Chương Mỹ, chảy qua 8 xã: Phụng Châu, Thị trấn Chúc Sơn, Lam Điền, Thụy Hương, Văn Võ, Thượng Vực, Phú Chính, Phú Nam An. Trước năm 1937, khi chưa xây dựng đập Đáy, sông Đáy là một phân lưu của sông Hồng. Để hỗ trợ cho tiêu úng các huyện dọc sông Đáy và vùng trũng Hà Nam, người Pháp cho xây dựng đập Đáy và để giảm áp lực lũ cho hạ du sông Hồng, đập Đáy có nhiệm vụ phân bớt lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng thiết kế ban đầu 5000 m³/s. Từ khi có đập Đáy, dòng chính sông Đáy từ sau đập đến Ba Thá chỉ là nơi nhận nước tiêu của các huyện Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai và một phần của huyện Chương Mỹ, Thanh Oai. Đến Ba Thá, sông Đáy nhận chi lưu đầu tiên là sông Tích và từ Ba Thá trở xuống sông Đáy mới có dòng chảy cơ bản về mùa kiệt. Lòng sông Đáy đoạn qua huyện Chương Mỹ có bãi rộng khoảng 600-1200m, long song hẹp, nông do thiếu dòng chảy mùa kiệt. Trong mùa kiệt nhờ có ảnh hưởng nước vật ngược từ Ba

Thá lên nên đoạn từ Văn Võ đến Ba Thá còn có nước để phục vụ cho các trạm bơm tưới dọc sông hoạt động. Cao độ đáy sông +1,0m tại sau đập Đáy và từ -2,5m đến -1,5m tại Ba Thá. Do khai thác bãi không hợp lý và công trình kiến trúc cản trở dòng chảy nên sông Đáy đoạn từ sau đập đến Ba Thá chỉ có thể chuyển tải được lưu lượng lũ khoảng 1500-1700m³/s. Để làm được nhiệm vụ phân lũ cho sông Hồng và để sông Đáy có thể nhận nước thường xuyên về mùa kiệt 37-100m³/s từ sông Hồng thông qua cống Hiệp Thuận (đã xây dựng) cần phải cải tạo lòng sông Đáy cả về long dẫn và thông thoáng bãi sông.

- Sông Bùi: hướng gần như Bắc - Nam đến Bãi Lạng, sau dòng chảy chuyển sang hướng Đông Tây và đổ vào sông Tích tại Chí Thủy, sau đó nhập lưu sông Bùi sông Tích đổ vào sông Đáy tại Ba Thá.

- Sông Tích: Bắt nguồn từ Sơn Đà - Đàm Long, chảy theo hướng Tây - Đông đến cầu Ái Mỹ sông chuyển theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, qua các huyện Thạch Thất, Quốc Oai vào đất Chương Mỹ tại đầu bờ đê bao Thổ Ngõa đến Chí Thủy nhận thêm nhánh sông Bùi, đổ vào sông Đáy tại Ba Thá. Lòng sông hẹp, nông, hầu như không có bãi. Lòng sông mùa kiệt chỉ rộng từ 25 ÷ 30m. Đến chợ Sẻ lòng sông mở rộng ra khoảng 30 ÷ 35m. Vào mùa lũ lòng sông rộng bình quân 120 ÷ 140 m. Mức nước lũ lớn nhất đã từng đo đạc được trạm Chí Thủy là 8,20m; tại Ba Thá 7,4 m (2008). Đáy sông tại Chí Thủy có cao độ -1,0m; tại Ba Thá từ -2,5 ÷ -2,0m. Sông Tích trong mùa lũ nhận thêm nước lũ từ các suối Miếu, Hạnh Tiên, Văn Sơn, sông Bến Gỗ, nước lũ từ chằm Vải (Trần Phú); Phía tả nhận nước tiêu từ trạm bơm Kim Nê, Tử Nê, Trung Hòa, Yên Duyệt, Hạ Dục, cống Nguồn, cộng với nước lũ Ba Vì đổ về nên đoạn từ cầu Tân Trượng về đến Ba Thá mực nước mùa lũ thường xuyên cao. Mùa kiệt chủ yếu nhận nước hồi quy của sông Tích và phần miền núi của sông Bùi nên lưu lượng ở đây nhỏ, mực nước thấp khoảng 1,5 ÷ 1,8m. Sông Tích là con sông quan trọng đối với huyện Chương Mỹ, nó vừa nhận nước tiêu và thoát lũ, vừa là nguồn nước tưới quan trọng của huyện. Để đảm bảo đủ nguồn nước tưới và để sông Tích làm tốt nhiệm vụ tải lũ - nhận nước tiêu ứng cần cải tạo hệ thống sông này và cần tiếp nước từ sông Hồng vào.

- Bản thân sông Tích đoạn chảy qua huyện Chương Mỹ vẫn được nhân dân địa phương gọi là sông Bùi.

*** Đánh giá chung:**

- Tình hình lũ lụt tại Chương Mỹ diễn biến phức tạp, chịu ảnh hưởng thủy văn của nhiều tuyến sông, cần phối hợp các ban, ngành chuyên môn, đề xuất phương án tổng hợp, đảm bảo tính khả thi, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của điều kiện tự nhiên.

- Nền địa hình huyện tương đối đa dạng, công tác san nền, thoát nước cần nghiên cứu kỹ lưỡng, có giải pháp phù hợp với từng loại địa hình.

- Một số công trình đầu mối tiêu thoát nước (hồ, trạm bơm, kênh tiêu, đê điều) đã xuống cấp, không được tu bổ thường xuyên, hạn chế khả năng vận hành trong khi mưa lũ. Trong giai đoạn quy hoạch cần rà soát, bổ sung giải pháp nâng cấp, xây mới công trình đầu mối thủy lợi, giảm thiểu hiện tượng ngập úng trong mùa mưa.

b. Hệ thống thoát nước mưa

Các xã đồng bằng có hệ thống thoát nước qua hệ thống cống được bê tông hóa. Các xã này có địa hình bán sơn địa nên thoát nước tự nhiên, không có hoặc ít có hiện tượng ngập úng. Còn lại các xã khác hầu như chưa có hệ thống thoát nước.

2.5.2.4. Hệ thống điện, chiếu sáng trên địa bàn

a. Tình hình sử dụng điện năng:

Lưới điện cung cấp cho toàn Huyện Chương Mỹ chủ yếu từ nguồn lưới điện Quốc gia, tính đến hết năm 2022 điện thương phẩm toàn huyện đạt 695,506 MWh. Trong đó Nông, lâm nghiệp, thủy sản 54,14MWh chiếm 7,78%, Công nghiệp, xây dựng 314,081 MWh chiếm 45,16%, Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng 13,26 MWh chiếm 1,91%, Quản lý, tiêu dùng, dân cư 297,676 MWh chiếm 42,8%, các hoạt động khác 16,34 MWh chiếm 2,35%.

b. Nguồn điện

- Nguồn điện cung cấp cho Huyện Chương Mỹ từ mạng lưới Quốc gia được cấp trực tiếp qua các trạm biến áp sau :

- Trạm 110/35/22KV Xuân Mai (E10.9) nằm tại thị trấn Xuân Mai, công suất 1x40MVA và trạm 110/35/22KV Ba La (E1.4), cách ranh giới nghiên cứu khoảng 5km phía đông khoảng 5km, công suất (40+63)MVA.

- Trạm 110/35/22KV Phú Nghĩa E1.51 công suất 2x40MVA cấp điện phục vụ dân sinh cũng như phụ tải các Khu công nghiệp tại huyện Chương Mỹ.

- Trạm 110/35/22KV Chương Mỹ công suất 1x40 MVA. Trạm đã xây dựng đang chuẩn bị đi vào vận hành.

- Trạm 110/35/22KV Thanh Oai công suất 2x40 MVA cách trung tâm huyện khoảng 12 km về phía Đông Nam.

c. Lưới điện

- Lưới điện truyền tải:

+ Đường dây 500kV từ trạm 500kV Thường Tín - trạm 500kV Tây Hà Nội, tổng chiều dài đường dây qua ranh giới nghiên cứu khoảng 19,0 km.

+ Đường dây 220KV từ nhà máy thủy điện Hòa Bình đi Trạm 220KV Hà Đông trong đó có 1 tuyến mạch kép và 2 tuyến mạch đơn với chiều dài mỗi tuyến trong địa bàn huyện là khoảng 22Km, sử dụng dây ACKP-500.

+ Đường dây 110kV Thanh Oai - Chương Mỹ, tổng chiều dài đường dây qua ranh giới nghiên cứu khoảng 2,8 km.

- Lưới điện trung thế:

+ Lưới trung thế trong huyện Chương Mỹ chủ yếu là lưới 35KV và 22KV, lưới 10KV hiện còn khoảng 2km ở khu vực thôn Văn Mỹ, xã Hoàng Văn Thụ tiết diện trực chính đường dây sử dụng dây AC240/XLPE240, AC185/XLPE185mm² và nhánh rẽ sử dụng dây có tiết diện từ AC50/XLPE50mm² đến AC120/XLPE120mm². Dây dẫn chủ yếu đi nổi trên cột bê tông ly tâm.

* Trạm 110kV Ba La: cấp điện cho huyện Chương Mỹ qua 2 lộ 378 và 379.

- Lộ 378 - 110kV Ba La (E1.4) có tiết diện trực chính AC150, cấp điện cho các xã Biên Giang, Thụy Hương, Ngọc Sơn, TT Chúc Sơn, Ngọc Hòa.

- Lộ 379 - 110kV Ba La (E1.4) có tiết diện trực chính AC95, cấp điện cho các xã Thụy Hương, TT Chúc Sơn, Đại Yên, Hoàng Diệu, Trường Yên, Tốt Động, Hữu Văn, Hoàng Văn Thụ.

* Trạm 110kV Xuân Mai

- Lưới điện 35KV gồm các lộ:

+ Lộ 371 - 110kV Xuân Mai (E10.9) có tiết diện trực chính AC240, cấp điện cho các xã Thủy Xuân Tiên, TT Xuân Mai, Đông Sơn, Thanh Bình, Trường Yên và cấp điện cho trạm biến áp trung gian Trường Yên. Lộ 371 có liên kết mạch vòng với lộ 373E10.9, tiết diện trực chính AC 240- 120 , trực nhánh từ AC 35-70.

+ Lộ 372 - 110kV Xuân Mai (E10.9) cấp điện cho khu vực thị trấn Xuân Mai, xã Tân Tiến, Hoàng Văn Thụ ,tiết diện trực chính AC 150

+ Lộ 373 - 110kV Xuân Mai cấp điện cho trạm biến áp CK2, tiết diện trục chính AC 150

+ Lộ 374 - 110kV Xuân Mai (E10.9) có tiết diện trục chính AC240, cấp điện cho Đồng Vai, Đông Hạ, Quyết Hạ, Đông Phương Yên, Quyết Tiến, tiết diện trục chính AC 150.

- Lưới điện 22KV gồm các lộ:

+ Lộ 471 E10.9 - 110kV Xuân Mai (E10.9) cấp điện chủ yếu cho nhà máy chế biến TAGS và một phần phụ tải Chiến Thắng, Tân Mai,... nằm tại TT Xuân Mai, tiết diện trục chính AC 185 - 150

+ Lộ 472 E10.9 cấp điện cho các phụ tải trường học như: Cao đẳng Sư Phạm cũ, TH.Xuân Mai và các phụ tải quân sự như: Sư 308, TR.SQĐC A. Ngoài ra còn cấp điện cho các phụ tải Tân Bình, tiết diện trục chính AC120

+ Lộ 473 E10.9 cấp điện cho các phụ tải Chiến Thắng, ĐH Lâm Nghiệp, Cổ Thổ, TTHL HVQY,... thuộc TT Xuân Mai, tiết diện trục chính AC95. Lộ này kết nối mạch vòng với lưới điện huyện Quốc Oai.

+ Lộ 474 E10.9 cấp điện cho các phụ tải Lũ 201, Xuân Thủy, Xuân Linh, Trọng Tám, Hoàng Long, Nam Sơn, tiết diện trục chính AC120

+ Lộ 475 E10.9 cấp điện cho các phụ tải chung cư BTXM, dây dẫn đường trục AC120.

+ Lộ 477 E10.9 cấp điện cho các phụ tải xã Thủy Xuân Tiên, Đông Sơn dây dẫn đường trục AC95 có liên kết mạch vòng với lộ 474 Phú Nghĩa, tiết diện trục chính AC150.

* Trạm 110KV Chương Mỹ

- Lộ 371 - 110kV Chương Mỹ: các xã Tốt Động, Hữu Văn, Mỹ Lương, Hoàng Văn Thụ, đang nhận điện từ lộ 379 - 110kV BaLa chuyển về nhận điện từ lộ 371 - 110kV Chương Mỹ

- Lộ 372 - 110kV Chương Mỹ: các xã Đại Yên, Hợp Đồng, Quảng Bị, Hồng Phong, Đồng Phú, Hòa Chính và 1 phần của xã Đồng Lạc đang nhận điện từ lộ 379 - 110kV BaLa chuyển về nhận điện từ lộ 372 - 110kV Chương Mỹ.

- Lộ 373 - 110kV Chương Mỹ: các xã Thụy Hương, TT Trúc Sơn, Lam Điền, Hoàng Diệu, Văn Võ, Phú An Nam và Thượng Vực, đang nhận điện từ lộ 379 - 110kV BaLa chuyển về nhận điện từ lộ 373 - 110kV Chương Mỹ.

- Lộ 374 - 110kV Chương Mỹ: các xã Ngọc Hòa, trung tâm thị trấn Chương Mỹ, Tiên Phương và Phụng Châu, đang nhận điện từ lộ 379 & 378 - 110kV BaLa chuyển về nhận điện từ lộ 374 - 110kV Chương Mỹ.

- Lộ 471&473 - 110kV Chương Mỹ: cấp điện cho Khu đô thị Ngọc Phương. Dùng cáp ngầm XLPE120 cấp điện cho phụ tải.

* Trạm 110kV Phú Nghĩa

- Lưới điện 35KV gồm các lộ:

+ Lộ 371 - 110kV Phú Nghĩa: lộ 35KV cấp điện cho các phụ tải thuộc xã Phụng Châu và Tiên Phương đồng thời kết nối mạch vòng với nhánh Cộng Hoà lộ 373 Trạm 110kV Phùng Xá

+ Lộ 372 - 110kV Phú Nghĩa: lộ 35KV cấp điện cho các xã Đông Sơn, Đông Phương Yên, Trường Yên, Ngọc Hà đồng thời nối mạch vòng với lộ 377 Trạm 110kV Xuân Mai

- Lưới điện 22KV gồm các lộ:

+ Các lộ 22kv gồm các lộ 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476 - 110kV Phú Nghĩa: các lộ đường dây cấp cho toàn bộ khu Công nghiệp Phú Nghĩa, và khu vực các xã Tiên Phương, Phụng Châu, xã Trường Yên, Đông Sơn đầu nối mạch vòng với lộ 477 trạm 110KV Xuân Mai E10.9

+ Toàn bộ lưới điện trung thế phân phối hầu hết lưới điện trên không, vận hành theo chế độ trung tính nối đất trực tiếp thuộc hệ 3 pha 4 dây.

+ Tổng chiều dài đường dây trung thế trên địa bàn huyện là 515,55 Km.

- Lưới hạ thế và chiếu sáng:

+ Các đường dây hạ thế trên địa bàn có cấu trúc 3 pha, 4 dây, trung tính nối đất trực tiếp và lặp lại. Tổng chiều dài 1333,6 Km.

+ Tổng số trạm biến áp: 1062 trạm.

+ Cấu trúc kết lưới: hình tia.

. Kết cấu lưới không đồng bộ, dây dẫn có tiết diện nhỏ, đường trục sử dụng dây có tiết diện > 120mm², nhánh rẽ sử dụng dây có tiết diện > 95mm². Kết cấu cột chủ

yếu là sử dụng cột H cao 8,5m; 6,5m được xây dựng đã lâu nên khả năng chịu lực kém.

. Bán kính cấp điện hạ áp đối với khu vực thị trấn bán kính đường trục hạ áp không quá 400 mét, khu vực nông thôn tập trung bán kính đường trục hạ áp không quá 600 mét, khu vực nông thôn phân tán bán kính đường trục hạ áp không quá 800 mét.

+ Lưới chiếu sáng đèn đường đã được xây dựng trong khu vực thị trấn Chúc Sơn, Xuân Mai và một số tuyến đường chính khu trung tâm xã. Hình thức chiếu sáng chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng bóng Natri cao áp với công suất từ 220V-150W, một số tuyến đường sử dụng đèn năng lượng mặt trời.

d. Đánh giá hiện trạng cấp điện

- Trên địa bàn có nhiều đường điện cao thế cắt qua gây ảnh hưởng không ít đến cảnh quan cũng như an toàn lưới điện. Khi tiến hành lập quy hoạch cần có biện pháp quy hoạch hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

- Theo số liệu thống kê từ Công ty Điện lực Chương Mỹ đến hết năm 2022, tổn thất điện năng ở mức thấp 3,60 %.

- 100% các xã, thôn xóm trong huyện đã được cấp điện lưới quốc gia.

2.5.2.5. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

a. Thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Huyện Chương Mỹ hiện chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải phần lớn được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống cống chung thoát ra các ao, hồ. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng xí hợp vệ sinh khoảng 65% trên toàn huyện. Khu vực thị trấn Xuân Mai và Chúc Sơn, tỷ lệ sử dụng xí hợp vệ sinh ~90%, các xã vùng xa tỷ lệ chỉ đạt trên 20% (Trần Phú, Đồng Lạc).

- Nước thải công nghiệp: Trên địa bàn huyện có KCN Phú Nghĩa, CCN Ngọc Sơn và CCN Ngọc Hồi. Khu công nghiệp Phú Nghĩa, đã có trạm XLNT công suất 2500 m³/ngày phục vụ cho các nhà máy bố trí phía Nam đường 6, các nhà máy phía Bắc đường 6 chưa đấu nối với trạm XLNT này. Hiện nay trạm XLNT này vẫn đang vận hành tốt. Các cụm, điểm công nghiệp còn lại trên địa bàn huyện đều chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung. Các cơ sở sản xuất đăng ký tự xử lý nước thải. Đến nay qua các đợt thanh tra, chưa ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm môi trường do các cơ sở sản xuất này gây ra.

- Nước thải y tế: chưa có xử lý riêng đạt tiêu chuẩn.

b. Thu gom và xử lý chất thải rắn

- Đóng cửa 2 khu xử lý CTR tại Núi Thoong, quy mô 2 ha và khu xử lý Đồng Ké, xã Trần Phú.

- Chất thải rắn trên địa bàn huyện Chương Mỹ được thu gom và chuyển đến và xử lý tại khu xử lý CTR Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây

- Khu vực nông thôn: Toàn huyện đã xây dựng hố chứa CTR tạm thời, được xây dựng đơn giản, trải vải chống thấm và chôn lấp. Phần lớn không sử dụng hóa chất hay chế phẩm vi sinh. Nhiều vị trí bố trí không hợp lý gây ô nhiễm môi trường. Tại nhiều xã, một lượng lớn rác được đổ ngay ven đường, đổ trực tiếp xuống ao, hồ hay ruộng lúa như dọc bờ sông Bùi xã Thanh Bình.

- Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh tự ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Chất thải rắn y tế: Lò đốt CTR y tế của bệnh viện huyện hiện nay đã ngừng hoạt động do gây ô nhiễm. CTR được xử lý tại chỗ và chuyển đi cùng CTR sinh hoạt.

c. Quản lý nghĩa trang

- Hiện tại có khá nhiều nghĩa địa nằm phân tán, chưa có hàng rào cách ly,... gây lãng phí đất và ô nhiễm môi trường.

- Nghĩa trang huyện Chương Mỹ tổ chức theo kiểu nghĩa trang nông thôn. Tồn tại nhiều nghĩa trang nhỏ lẻ, xen lẫn khu canh tác và dân cư.

- Tổng diện tích nghĩa trang trên địa bàn huyện khoảng 265ha. Các nghĩa trang chưa được tổ chức tốt và xử lý về môi trường sẽ gây ảnh hưởng đến cảnh quan và công tác quy hoạch trong tương lai.

Bảng: Công trình nghĩa trang ghi công các liệt sỹ trên địa bàn huyện Chương Mỹ.

STT	Tên các công trình ghi công liệt sỹ	Cấp quản lý	Năm xây dựng nghĩa trang liệt sỹ	Tổng diện tích đang sử dụng (m2)	Vị trí địa điểm và tổng diện tích quy hoạch mới (nếu có)	
					Vị trí, địa điểm	Tổng diện tích
1	Nghĩa trang liệt sỹ TT Chúc Sơn	UBND Thị trấn	2021	1008		
2	Nghĩa trang liệt sỹ xã Đại Yên	UBND xã	2022	1547		

3	Nghĩa trang liệt sỹ xã Đồng Lạc	UBND xã	2010	1071		
4	Nghĩa trang liệt sỹ xã Đồng Phú	UBND xã	2005	1125		
5	Nghĩa trang liệt sỹ xã Đồng Sơn	UBND xã	2007	2171.2		
6	Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoàng Diệu	UBND xã	1945	890		
7	Nghĩa trang liệt sỹ xã Hợp Đồng	UBND xã	1956	1348.2	Khu Gò Miếu (Quán Dưới) thôn Đồng Lệ	1535.2
8	Nghĩa trang liệt sỹ xã Hòa Chính	UBND xã	1992	1450		
9	Nghĩa trang liệt sỹ xã Hữu Văn	UBND xã	1959	597		
10	Nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Lương	UBND xã	1995	791	Khu Chung Bương thôn Mỹ Lương	2385
11	Nghĩa trang liệt sỹ xã Ngọc Hòa	UBND xã	1983	934.32	Vẫn vị trí cũ nhưng diện tích tăng lên	1885
12	Nghĩa trang liệt sỹ xã Phụng Châu	UBND xã	2009	4416		
13	Nghĩa trang liệt sỹ xã Phú Nghĩa	UBND xã	1982	11102		
14	Nghĩa trang liệt sỹ xã Phú Nam An	UBND xã	2009	1317		
15	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Tiến	UBND xã	1956	1369,4		
16	Nghĩa trang liệt sỹ xã Thanh Bình	UBND xã	2009	1614		
17	Nghĩa trang liệt sỹ xã Thụy Hương	UBND xã	1986	2366		
18	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Phương	UBND xã	2006	1558,4		

19	Nghĩa trang liệt sỹ xã Trung Hòa	UBND xã	2011	1350		
20	Nghĩa trang liệt sỹ xã Thượng Vực	UBND xã	2011	1622,9		
21	Nghĩa trang liệt sỹ xã Thủy Xuân Tiên	UBND xã	1998	4043,9		
22	Nghĩa trang liệt sỹ xã Trường yên	UBND xã	1956	1029,5		
23	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tốt Động	UBND xã	1999	800		
24	Nghĩa trang liệt sỹ xã Lam Điền	UBND xã	1956	820	Khu ao Ròng thôn Lương Xá giáp ranh thôn Duyên Ứng	1750
25	Nghĩa trang liệt sỹ xã Hoàng Văn Thụ	UBND xã	1992	1275,9		
26	Nghĩa trang liệt sỹ xã Hồng Phong	UBND xã	1990	28.527		
27	Nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Võ	UBND xã	1961	760,7		
28	Nghĩa trang liệt sỹ xã Đông Phương Yên	UBND xã	2007	302	Khu đồng ao nai thôn Đồi 2	2385.2
29	Nghĩa trang liệt sỹ xã Trần Phú	UBND xã	1991	1516,8		
30	Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Xuân Mai	UBND Thị trấn	2009	1600		
31	Nghĩa trang liệt sỹ xã Quảng Bị	UBND xã	1958	1075,3		
32	Nghĩa trang liệt sỹ xã Nam Phương Tiến	UBND xã	2011	2000		

2.5.2.7. Hệ thống thông tin truyền thông

a. Bưu chính

- Hạ tầng mạng lưới bưu chính được quan tâm phát triển, đảm bảo 100% xã đều có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân trên địa bàn huyện. Mạng lưới phục vụ bưu chính trên địa bàn huyện gồm: 01 điểm Bưu cục cấp II tại bưu điện Huyện tại thị trấn Chúc Sơn, 1 điểm bưu điện cấp III đặt tại bưu điện Xuân Mai, và 30 điểm Bưu điện - Văn hóa xã cung cấp các dịch vụ bưu chính phổ cập, bưu chính công ích, Internet công cộng và phục vụ sách báo miễn phí cho cộng đồng,...

- Mạng vận chuyển bưu chính hiện có 01 đường thư cấp II : Hà Nội – Chương Mỹ tần suất 1 chuyến/ngày

- Đường thư cấp III (nội thành, nội thị, nội huyện): Bao gồm 31 tuyến đường thư phương tiện vận chuyển chủ yếu sử dụng xe máy, bình quân vận chuyển 1 chuyến/ngày.

- Các tuyến thư đều do bưu điện huyện, thị trấn, thực hiện; đảm bảo việc giao nhận túi gói giữa các bưu cục, phục vụ việc chuyển phát thư báo đến các điểm Bưu điện Văn hóa xã.

b. Viễn thông

b1. Chuyển mạch

- Hệ thống chuyển mạch khu vực Chương Mỹ được xử lý tín hiệu theo cấp tổng đài: Tổng đài điều khiển(Host) - Tổng đài vệ tinh - Điểm truy nhập thuê bao. Khu vực nghiên cứu nằm trong hệ thống của trạm điều khiển Hà Đông.

- Host Hà Đông điều khiển toàn bộ số trạm vệ tinh theo từng khu vực hiện có trên địa bàn huyện Chương Mỹ với tổng lượng lắp đặt gần 20.000 lines.

- Trong khu vực có các trạm vệ tinh: TVT Chương Mỹ, Quảng Bị, Văn Sơn, Xuân Mai liên kết nội hạt với trạm Ba Thá huyện Mỹ Đức.

Bảng: Hệ thống chuyển mạch khu vực huyện Chương Mỹ

STT	Địa điểm lắp đặt	Loại tổng đài	Dung lượng
1	Chương Mỹ	Vệ tinh	5800
2	Quảng Bị	Vệ tinh	4600
3	Ba Thá	Vệ tinh	3600

4	Văn Sơn	Vệ tinh	3500
5	Xuân Mai	Vệ tinh	5.120

b2. Mạng truyền dẫn

- Mạng truyền dẫn tới các điểm chuyển mạch đã được số hoá, truyền dẫn sử dụng công nghệ DWDM dung lượng 20Gb/s. Mạng truyền dẫn chủ yếu bằng cáp quang, truyền dẫn tới điểm tập trung dân cư. Trong đó các tuyến cáp quang liên đài đã được ngầm hóa. Về cơ bản các mạch vòng (Ring) đã được khép kín.

- Truyền dẫn cho các tổng đài hiện tại đang sử dụng công nghệ cáp sợi quang, dung lượng từ 4-16 F0(PDH 34Mb/s và 140Mb/s).

b3. Hiện trạng hệ thống mạng ngoại vi

- Mạng ngoại vi trên địa bàn huyện chủ yếu là cáp đồng đường kính 0,4mm trở lên và sử dụng dây đôi.

- Mạng ngoại vi được các doanh nghiệp viễn thông đặc biệt quan tâm và đầu tư, đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu lắp đặt điện thoại của các tổ chức và người dân.

- Để nâng cao chất lượng, rút ngắn cự ly phục vụ các doanh nghiệp đã mở rộng các trạm chuyển mạch, các điểm tập trung thuê bao, bán kính phục vụ bình quân của các trạm đã giảm đáng kể. Tuy nhiên do nhu cầu lắp đặt nhanh phục vụ công tác kinh doanh, nên mạng chưa được đầu tư một cách đồng bộ và chưa thực sự chú ý đến chất lượng mạng.

- Mạng ngoại vi khu vực nghiên cứu đang được xây dựng và phát triển nên còn thiếu đồng bộ và phức tạp. Việc xây dựng hạ tầng cũng như các công trình khai thác thông tin chưa được phối hợp chặt chẽ giữa các nhà khai thác và cung cấp. Bên cạnh đó, chưa kết hợp được với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác gây ảnh hưởng đến chất lượng của các công trình và mỹ quan đô thị.

b4. Mạng lưới viễn thông

Trên địa bàn tỉnh có 06 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông gồm: VNPT, Viettel, Mobifone, FPT, Vietnamobile và Gmobile.

b5. Mạng Internet

- Trên địa bàn Huyện hiện có Viễn thông VNPT, Chi nhánh Viettel, FPT cung cấp dịch vụ Internet.

- Mạng Internet băng rộng đã triển khai cung cấp dịch vụ tại trung tâm huyện, và đến các trung tâm các xã trong huyện.

- Dịch vụ truy nhập Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến thuê bao (FTTH) cũng đã được các doanh nghiệp triển khai trên địa bàn.

2.6. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

- Hiện chưa có thống kê đầy đủ về chất lượng môi trường trên địa bàn huyện Chương Mỹ nhưng qua các tài liệu tham khảo: Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Hà Nội, quy hoạch thoát nước lưu vực sông Nhuệ Đáy, các báo cáo về VSMT của UBND huyện Chương Mỹ có thể đưa ra một vài nhận xét như sau:

- Nguồn gây ô nhiễm lớn nhất cho huyện hiện nay là CTR. Tuy đã có hệ thống thu gom, vận chuyển xử lý CTR tại khu xử lý Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, tuy nhiên vẫn phát sinh vấn đề tồn đọng các bãi rác tạm tại các xã, không được phân loại và phần lớn phải xử lý tại chỗ bằng các bãi rác tạm. Các bãi rác tạm tổ chức đơn giản, nhiều bãi bố trí không hợp lý nên còn nhiều CTR tồn lưu trên địa bàn mà không xử lý gây ô nhiễm trực tiếp tới nguồn nước, môi trường đất và môi trường khí trong khu vực.

a. Môi trường nước mặt:

- Nước thải sinh hoạt, sản xuất không được thu gom và xử lý gây ô nhiễm sông Bùi và các ao hồ, kênh mương trong huyện. Sông Đáy đoạn chảy qua Chương Mỹ có mức ô nhiễm không cao bằng hạ lưu nhưng chất lượng nước có xu hướng diễn biến xấu dần do nguồn thải gia tăng từ thượng nguồn. Sông Tích đã bị ô nhiễm hữu cơ (các thông số ô nhiễm hữu cơ vượt QCVN 08:2008/BTNMT, giới hạn A1) do tiếp nhận nước thải sản xuất, sinh hoạt của thị xã Sơn Tây, nước thải từ đô thị Hoà Lạc - nơi đã và đang có sự phát triển đô thị mạnh mẽ và nước từ sông Bùi. Nước sông Bùi cũng đã bị ô nhiễm do nhận nước thải sản xuất và sinh hoạt từ Lương Sơn, Hoà Bình đổ về.

b. Môi trường nước ngầm:

- Nước ngầm mạch nông khá dồi dào tuy nhiên những năm gần đây có dấu hiệu bị suy giảm, vào mùa khô một số khu vực bị thiếu nước. Đã có dấu hiệu ô nhiễm nước ngầm do tác động của chất thải không thu gom và xử lý triệt để. Trữ lượng nước mạch sâu khai thác với quy mô lớn hạn chế.

- Một số tài liệu cho thấy khu vực 8 xã phía đông (khu vực bãi Đáy) nước ngầm có dấu hiệu ô nhiễm asen. Vấn đề này cần có những nghiên cứu ở mức độ kỹ

hơn để xác định mức độ ô nhiễm và có giải pháp cấp nước tập trung cho khu vực bãi Đáy.

c. Môi trường không khí:

Khu vực đô thị có hiện tượng ô nhiễm cục bộ dọc các trục giao thông chính (Quốc lộ 6, đường Hồ Chí Minh), các công trình giao thông chính. Khu vực nông thôn, không khí trong lành, ô nhiễm cục bộ tại các điểm tập trung CTR, các bãi đổ rác tạm, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

d. Môi trường đất:

Nhìn chung, đất Chương Mỹ đa dạng có độ phì cao, có thể bố trí được nhiều loại cây trồng ngắn ngày, dài ngày, cây lương thực, cây ăn quả, cây dược phẩm, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp. Một số khu vực có thể khai thác sản xuất vật liệu xây dựng như Ngọc Hòa, Đại Yên, Hoàng Văn Thụ. Đất núi và đồi gò dùng đổ đất, san nền công trình xây dựng rất tốt. Một số yếu tố gây ảnh hưởng đến môi trường đất: CTR, nước thải, sử dụng hóa chất BVTV.

e. Hệ sinh thái:

Khu vực rừng phía tây huyện có diện tích khoảng trên 500 ha với nhiều loại sinh vật có giá trị, trong đó thực vật là khoảng 303 loài bao gồm cả thực vật bậc cao và thực vật bậc thấp thuộc 215 chi và 97 họ, trong đó có nhiều loài cây có giá trị như: lim, gụ, bạch đàn... Hệ động vật của rừng Chương Mỹ chỉ còn lại rất ít. Động vật với 13 loài thú, 24 loài chim, 17 loài bò sát, 5 loài ếch nhái, 19 loài cá, 17 loài côn trùng, ngoài ra còn một số loài sinh vật khác.

f. Tai biến môi trường:

- Địa bàn huyện Chương Mỹ hầu hết nằm trong khu vực phân chặm lũ của Thủ đô Hà Nội. Hàng chục năm gần đây, Chương Mỹ chưa phải thực hiện việc chặm lũ cho Hà Nội nhưng quy định chi phối của vùng phân chặm lũ cũng ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của huyện đặc biệt là khu vực ngoài đê sông Đáy là vùng ngập. Bên cạnh đó, 10 xã Tây sông Bùi thường xuyên bị ảnh hưởng của lũ rừng ngang từ Hòa Bình đổ về. Lũ tập trung nhanh, vượt quá khả năng tiêu thoát của hệ thống thủy lợi gây nhiều thiệt hại cho nhân dân các xã bị ảnh hưởng.

- Hiện tượng sạt lở khu vực ngoài đê sông Đáy (xã Hoàng Diệu, Văn Võ), ven đê hữu sông Tích, đê sông Bùi (xã Thủy Xuân Tiên, Văn Võ...).

* Nước ngầm:

Theo kết quả nghiên cứu chung của thành phố Hà Nội, huyện Chương Mỹ có nguồn nước ngầm khá dồi dào và nông, đào ở độ sâu 10m là có nước. Tuy nhiên những năm gần đây mực nước ngầm bị suy giảm nên mùa khô một số khu vực của huyện bị thiếu nước.

2.7. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ, QUỐC PHÒNG, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2011-2022

Nắm tình hình trên các lĩnh vực hoạt động của người nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn, tình hình nội bộ nhân dân, các hoạt động tôn giáo; chỉ đạo giải quyết có hiệu quả những vấn đề có dấu hiệu phức tạp về an ninh trật tự, không để xảy ra các tình huống phức tạp, đột xuất, bất ngờ, phục vụ các sự kiện chính trị lớn như: Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31, Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII... và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phạm pháp hình sự xảy ra 122 vụ (tăng 10 vụ so cùng kỳ năm 2021), đã điều tra làm rõ 107/122 vụ, 378 đối tượng, đạt 87,7%; tai nạn giao thông xảy ra 45 vụ (tăng 06 vụ so với năm 2021); cháy 12 vụ (tăng 01 vụ so với năm 2021)(); tai nạn khác xảy ra 40 vụ. Triển khai 04 đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn huyện, qua đó phát hiện, xử lý 76 vụ, 73 trường hợp có hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, chức vụ; 145 vụ, 163 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực môi trường; phát hiện, bắt giữ 58 vụ, 85 đối tượng có hành vi “Vận chuyển, mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; bắt, vận động 06 đối tượng có quyết định truy nã ra đầu thú.

Tổ chức tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông(), trật tự công cộng trên địa bàn huyện; tiến hành kiểm tra 195 lượt cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; tuyên truyền, diễn tập công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tiến độ chỉ đạo của Thành phố trong thực hiện Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ; đăng ký xe ô tô, mô tô, xe máy; tiếp tục giải quyết tốt thủ tục hành chính liên quan đến quản lý cư trú, cấp căn cước công dân

Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân vững mạnh. Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tết Nguyên đán, các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị quan trọng trên địa bàn huyện; tăng cường công tác quản lý, rà soát, bảo vệ các công trình trọng điểm; tổ chức hiệp đồng với các đơn vị đứng chân trên địa bàn và các

địa phương giáp ranh trong thực hiện nhiệm vụ đánh địch tiến công hỏa lực bảo vệ Tổ quốc và hiệp đồng bảo vệ an ninh, an toàn Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 tại Hà Nội. Tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2022 với 246 công dân nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo an toàn, chất lượng. Hoàn thành diễn tập chiến đấu khu vực phòng thủ đối với 08 xã; làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu và chỉ huy. Tổ chức huấn luyện, tập huấn chuyên môn; xây dựng lực lượng; tham gia hội thao đạt kết quả cao. Triển khai kế hoạch giáo dục quốc phòng - an ninh; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; xét duyệt các hồ sơ chế độ chính sách cho các đối tượng theo các Quyết định số 49, 142, 62 của Thủ tướng Chính phủ.

Tham mưu Huyện ủy Kế hoạch tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI). Tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện, Trường bắn, thao trường huấn luyện cấp huyện và trụ sở Ban Chỉ huy quân sự các xã, thị trấn; Đề án 368/ĐA-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện về sắp xếp, bố trí cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, thị trấn huyện Chương Mỹ giai đoạn 2020-2025..

2.8. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2011-2022

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất so với quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn

- Đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, những bất cập hiện nay.
- Thực trạng công tác quản lý đất đai
- Đánh giá tồn tại, hạn chế.

2.9. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

2.9.1 Bối cảnh, tình hình

Dự báo tình hình thế giới, khu vực thời gian tới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức; chiến tranh thương mại, biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng nặng nề. Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thị trường; tiến bộ, công bằng xã hội; dân chủ - pháp quyền; hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, vì hòa

binh - phát triển và cùng giải quyết những thách thức toàn cầu là xu hướng chung của nhân loại. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều khó khăn. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới. Vai trò trung tâm kết nối của ASEAN trong các thiết chế khu vực tiếp tục được khẳng định nhưng còn nhiều thách thức. Hòa bình và hợp tác phát triển là xu thế lớn nhưng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố tiếp tục gia tăng. Các nước lớn tăng cường sức mạnh quân sự và cạnh tranh chiến lược trong khu vực ngày càng quyết liệt. Tranh chấp lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp trên Biển Đông diễn biến gay gắt, phức tạp.

Sau hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Tuy 5 năm qua đã đạt được những thành quả quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn rất nặng nề. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vì sự phát triển bền vững rất lớn, nhưng nguồn lực còn hạn hẹp. Tiếp tục đà phát triển thuận lợi những năm gần đây, tiềm lực đất nước vững mạnh hơn nhiều. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém và những khó khăn, thách thức lớn. Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, chưa bền vững; năng suất lao động, năng lực cạnh tranh còn thấp. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực đòi hỏi nguồn lực lớn. Tiềm lực, sức cạnh tranh của khu vực kinh tế trong nước còn thấp, chưa tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Ứng dụng công nghệ cao ở nhiều ngành, lĩnh vực còn hạn chế. Chúng ta tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP, FTA với EU...) với yêu cầu cao hơn và phải thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, cả về thuế quan, mở cửa thị trường, sở hữu trí tuệ... mà không còn được hưởng các ưu đãi đặc thù cho giai đoạn chuyển đổi như trước. Đây là áp lực lớn mà các cấp, các ngành và khu vực kinh tế trong nước cần vượt qua để phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng, hiệu quả

Tình hình kinh tế, chính trị - an ninh trên thế giới và khu vực tiếp tục thay đổi và diễn biến phức tạp. Những tác động về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường; nhiều yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh chính trị, hoạt động chống phá của các tổ chức, đối tượng cơ hội chính trị ngày càng gia tăng. Hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội chưa đồng bộ, nhiều khu chung cư, tập thể cao tầng xuống cấp nghiêm trọng; dân số cơ học, mật độ dân cư ngày càng tăng cao dẫn đến quá tải về

điều kiện hạ tầng; nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn quận là rất lớn, dễ nảy sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo và phát sinh các vụ việc phức tạp,

2.9.2 Phân tích SWOT

Nhìn chung, vị thế và điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác phát triển đúng mực, hệ thống kết cấu hạ tầng huyện Chương Mỹ chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

Công tác quản lý phát triển tại địa bàn huyện còn thiếu những quy hoạch tổng thể mang tính chiến lược cho các giai đoạn phát triển ngắn hạn và dài hạn. Đặc biệt trong bối cảnh Thủ đô Hà Nội phát triển mở rộng về phía Tây, khu vực huyện Chương Mỹ đòi hỏi phải có một hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ cho sự phát triển trong tương lai, cũng như trong việc giải quyết những vấn đề trước mắt, ngắn hạn.

a. Điểm mạnh

- Nằm trên hướng phát triển đô thị hóa của Thủ đô và tiếp cận thuận lợi với đô thị trung tâm.
- Nguồn tài nguyên đất đai lớn, có giá trị khai thác sử dụng đa dạng với nhiều mục đích khác nhau. Đặc biệt là diện tích đất nông nghiệp năng suất cao cần phải bảo vệ.
- Có hệ thống di tích văn hóa, làng nghề, không gian văn hóa truyền thống cần được bảo tồn và phát huy giá trị.
- Có hệ thống cảnh quan sinh thái tự nhiên hấp dẫn.
- Có mạng lưới cơ sở hạ tầng kinh tế được đầu tư đồng bộ, là động lực phát triển kinh tế xã hội.

b. Điểm yếu

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn nhiều yếu kém, đặc biệt tình trạng quá tải và xuống cấp của tuyến Quốc lộ 6.
- Hoạt động xây dựng còn tự phát, thiếu kiểm soát
- Ô nhiễm môi trường tự nhiên, môi trường sống, môi trường sinh thái đã ảnh hưởng tới chất lượng sống của người dân và sự phát triển bền vững.
- Chịu tác động của các vấn đề tai biến môi trường như lũ lụt, sạt lở.

c. Cơ hội

- Định hướng phát triển Thủ đô xác định phát triển 2 đô thị và các tuyến hạ tầng quan trọng của thành phố là động lực thúc đẩy phát triển.

- Địa bàn huyện thu hút các dự án công nghiệp, đào tạo, du lịch tạo tiền đề cho phát triển kinh tế của huyện.

- Quyết định xóa bỏ vùng phân lũ, chậm lũ tạo cơ hội cho khai thác tài nguyên đất đai.

d. Thách thức

- Bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan trước các hoạt động phát triển của nền kinh tế thị trường hiện nay.

- Cân bằng giữa phát triển và bảo tồn.

- Huy động nguồn lực lớn cho nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng trong giai đoạn trước mắt.

- Thực hiện cơ chế liên kết, chia sẻ với các địa phương phụ cận để cùng phát triển và cùng giải quyết các vấn đề chung.

- Xây dựng các công cụ quản lý tổng thể với các chiến lược phát triển dài hạn để kiểm soát sự phát triển mang tính tự phát hiện nay.

- Cung cấp hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, kết nối thuận lợi với đô thị trung tâm.

- Xử lý tốt các vấn đề ô nhiễm môi trường tự nhiên, sinh thái và xã hội.

- Đảm bảo phát triển hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn.

3. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG

3.1. QUAN ĐIỂM, TÍNH CHẤT, HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRỌNG TÂM

3.1.1 *Quan điểm, định hướng phát triển trọng tâm*

Quan điểm phát triển

Phát triển huyện Chương Mỹ trên cơ sở phát triển bền vững, phân bố phát triển các cơ sở sản xuất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tốt thế mạnh, tiềm năng của Huyện, cân đối khả năng cung cầu, cân đối giữa sản xuất với tiêu dùng nội địa và phục vụ xuất khẩu.

Phát triển vùng huyện Chương Mỹ trên quan điểm bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ môi trường cảnh quan.

Phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn trong Huyện trên cơ sở, định hướng của quy hoạch Thủ đô Hà Nội, kết hợp giữa cải tạo - mở rộng các khu đô thị hiện có và xây dựng các khu đô thị mới để tạo thế phát triển cân đối.

Phát triển lãnh thổ một cách đồng bộ trên cơ sở phát triển sản xuất, phát triển các điểm dân cư đô thị, nông thôn đi đôi với xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và kỹ thuật.

Hình thành các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở tính cân đối nhu cầu và phân bố trên cơ sở, định hướng của quy hoạch Thủ đô Hà Nội và quan điểm toàn Huyện.

Định hướng phát triển trọng tâm

Tập trung Phát triển 2 đô thị Xuân Mai và Chúc Sơn, hoàn thiện về hạ tầng kỹ Thuật, hạ tầng xã hội làm hạt nhân, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội toàn huyện;

Phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ gắn với trục hành lang đô thị hóa QL21, QL6;

Chia sẻ các chức năng mang tính chất vùng cho khu vực trung tâm Hà Nội;

Phát triển vùng hành lang xanh gắn với chương trình phát triển nông thôn mới, song hành với bảo tồn, phát huy các giá trị về văn hóa, cảnh quan và bảo vệ quỹ đất nông nghiệp năng suất cao;

Cải tạo, bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Triển khai khắc phục các nguồn gây ô nhiễm, phát triển các công nghệ thân thiện với môi trường sinh thái.

3.1.2 Tính chất, tầm nhìn

- Hướng đến xây dựng một vùng ngoại ô yên bình của Thủ đô Hà Nội, thân thiện với môi trường sinh thái; cân bằng giữa khu vực đô thị và vùng nông thôn; hài hòa giữa bảo tồn văn hóa, cảnh quan và phát triển kinh tế, hướng tới sự phát triển bền vững.

- Trong giai đoạn trước mắt tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, khắc phục các vấn đề về môi trường, nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai.

- Là huyện ngoại thành phía Tây Nam Thủ đô Hà Nội, phát triển mạnh về đô thị, công nghiệp dịch vụ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, hệ thống hạ tầng xã hội chất lượng cao, gắn kết với mạng lưới hạ tầng chung của Thủ đô Hà Nội nhằm hỗ trợ chia sẻ chức năng với đô thị trung tâm và trở thành động lực thúc đẩy phát triển vùng hành lang xanh.

- Phát triển các chức năng đô thị dịch vụ - công nghiệp, hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề và thúc đẩy sản xuất vùng nông thôn theo hướng hiện đại hóa. Hoàn thiện mạng lưới điểm dân cư nông thôn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới

- Phát triển các khu, cụm đại học tập trung nhằm cụ thể hóa chương trình di dời trường học từ trong nội đô ra ngoại thành.

- Phát triển các hoạt động du lịch, các mô hình sản xuất nông nghiệp năng suất cao và bảo vệ các vùng cảnh quan tự nhiên, các công trình di tích văn hóa tín ngưỡng, làng nghề truyền thống.

3.1.3 Các mục tiêu, chỉ tiêu

- Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2030, Huyện Chương Mỹ có nền kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với hệ thống đô thị phát triển hỗ trợ cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Phát triển các khu thương mại đầu mối kết nối Hà Nội với các tỉnh Tây Bắc của cả nước.

- Mục tiêu cụ thể:

(1) Giai đoạn 2021 – 2030, Tăng trưởng giá trị sản xuất đạt bình quân 10,5/năm

(2) Cơ cấu kinh tế năm 2030: Dịch vụ thương mại: 50,5%, công nghiệp xây dựng 45,5%, nông nghiệp 4%

(3) Đến năm 2030, trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 85-90%

(4) Đến năm 2030, tỉ lệ hộ nghèo dưới 1%

(5) Đến năm 2030, lao động qua đào tạo chiếm 70-80%.

(6) Đến năm 2030, 100% người dân được sử dụng nước sạch.

(7) Đến năm 2030, 100% rác được thu gom, xử lý.

Dân số

Dự báo dân số đến năm 2025 khoảng 380.000 người; đến năm 2030 khoảng 440.000

3.2. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ

3.2.1 Phương án chung về kinh tế

Phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của huyện, tận dụng cơ hội phát triển của Thành phố và hội nhập quốc tế; xây dựng kinh tế huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế số để nâng cao quy mô và chất lượng các ngành kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đến năm 2038 dịch vụ thay thế cho ngành công nghiệp trở thành ngành chủ đạo và mũi nhọn, công nghiệp là ngành quan trọng, nông nghiệp là trụ đỡ của kinh tế huyện.

Phát triển cân bằng giữa kinh tế - xã hội với an ninh - quốc phòng; giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường Xây dựng đa dạng các mối liên kết kinh tế, phát triển logistic, thương hiệu sản phẩm và phát triển thị trường. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế; tăng cường xã hội hóa đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư công.

Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, các ngành kinh tế; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển theo quy định của pháp luật.

3.2.2 Phương án phát triển công nghiệp- xây dựng, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

Hoàn thiện quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn theo hướng nâng cao tỷ lệ lấp đầy diện tích và chỉ phát triển thêm từ 1 đến 2 cụm công nghiệp mới và mở rộng khu công nghiệp Phú Nghĩa. Đến năm 2030 dự kiến toàn huyện có 01 khu công nghiệp: Phú Nghĩa 350ha, 06 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 90,37ha gồm: Đông Sơn, 84ha, Đông Phú Yên 41,2ha, Ngọc Hòa 12,66ha, Ngọc Sơn 18,75ha, Đại Yên 4,98ha, Thụy Hương 7,94ha; tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp 440,47ha. Mời gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các khu cụm công nghiệp, nâng tỷ lệ lấp đầy từ 61% lên trên 95% vào năm 2030, trong đó ưu tiên di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp, phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có công nghệ và giá trị gia tăng cao và công nghiệp phụ trợ; tạo sự liên kết giữa các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Chuyển các cụm công nghiệp khác đã được Thành phố phê duyệt quy hoạch là: 02 cụm công nghiệp không phù hợp với tiêu chí cụm công nghiệp I (Tân Tiến 9,83ha, Phụng Châu 4,5ha) 02 cụm công nghiệp (Lam Điền và Hòa Chính) chưa hình thành cụm, thành dự án phát triển làng nghề. Phát triển ngành công nghiệp - xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh việc xây dựng hạ tầng số, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển để tăng nhanh tỷ trọng kinh tế số. Tập trung phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu, ưu đãi và thu hút các dự án chế biến nông sản. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; triển khai các chương trình khuyến công có hiệu quả. Quản lý tốt về môi trường, xây dựng hệ thống thu gom chất thải và thu gom, xử lý nước thải, hệ thống cấp nước sạch cho hộ, cụm công nghiệp; quản lý, kiểm soát việc xây dựng hệ thống phòng cháy, chữa cháy trong các cơ sở sản xuất của doanh nghiệp. Tăng cường quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; nâng cao năng lực quản lý của chủ đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, công trình xây dựng kéo dài; chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng. Mục tiêu: Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 8,8%/năm giai đoạn 2021 - 2030; 7%/năm giai đoạn 2031-2050.

3.2.3 *Phương án phát triển thương mại – dịch vụ, du lịch*

Xây dựng, hoàn thiện quy hoạch phát triển ngành thương mại, dịch vụ, du lịch. Tích cực, chủ động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có lợi nhuận cao, giảm tỷ trọng xuất bán nguyên liệu thô, sơ chế. Tranh thủ các nguồn lực và thu hút đầu tư để phát triển một số trung tâm thương mại, chợ đầu mối, chợ truyền thống tại các xã: Quảng Bị, Hữu Văn, Thủy Xuân Tiên, Đông Phương Yên...; đến năm 2030 xóa bỏ hoàn toàn các chợ cóc trên địa bàn, 100% các chợ có doanh nghiệp quản lý, vận hành, kinh doanh. Quản lý hoạt động kinh doanh trên địa bàn, nhất là các ngành kinh doanh, dịch vụ có điều kiện. Quản lý thị trường, chống buôn bán hàng cấm, hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ xuất xứ hoặc vi phạm bản quyền trí tuệ, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn cháy nổ hoặc có khả năng gây tác hại cho người sử dụng... thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về kiểm soát giá cả. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi liên kết, nhất là với các doanh nghiệp lớn. Chú trọng phát triển thương mại điện tử, các hình thức thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại, tham gia vào các chuỗi logistic trong nước và thế giới (chuỗi từ cung ứng nguyên liệu đến tiêu thụ sản phẩm); quan tâm đầu tư phát triển du lịch, nhất là du lịch tâm linh - lễ hội, du lịch sinh thái - làng nghề; làm tốt dịch vụ vận tải, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp điện lực, vận tải, viễn thông, tài chính ngân hàng, tín dụng đầu tư và hoạt động trên địa bàn. Khuyến khích thành lập các hợp tác xã, cơ sở kinh doanh nông sản sạch, nông sản chất lượng cao để cung cấp cho thị trường. Mục tiêu: Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 14,6%/năm giai đoạn 2021-2030; 11,6%/năm giai đoạn 2031-2050.

3.2.4 *Phương án phát triển nông nghiệp*

Phát triển nông nghiệp gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới. Điều chỉnh, hoàn thiện các quy hoạch về nông nghiệp. Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, lựa chọn nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, theo hướng hiện đại để khắc phục tình trạng bỏ ruộng và nâng cao hiệu quả đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, chú trọng phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông sản sạch có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, xây dựng và chủ động tham gia các chuỗi giá trị sản phẩm chất lượng cao; quan tâm xây dựng sản phẩm OCOP, sản phẩm có thương hiệu của Chương Mỹ. Nâng

cao năng lực dự báo thị trường tiêu thụ; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt quan tâm phát triển, ưu tiên hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường sử dụng giống mới chất lượng cao, kết hợp với các quy trình canh tác tiên tiến, áp dụng cơ giới hóa để nâng cao năng suất, chất lượng, tăng nhanh giá trị và khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm; phấn đấu đến năm 2030 có 90% diện tích lúa trở lên được sản xuất bằng cơ giới hóa, đến năm 2050 là 100%. Rà soát chuyển đất lúa hiệu quả thấp sang các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả hơn nhằm gia tăng giá trị trên đơn vị diện tích, giảm nhu cầu sử dụng nước tưới. Đề xuất, phối hợp với các ngành chức năng của Thành phố đầu tư phát triển hệ thống đề điều, công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và phục vụ sản xuất. Bám sát diễn biến thời tiết, kịp thời điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất, hạn chế tối đa thiệt hại. Phát triển nhanh hợp lý đàn gia súc, gia cầm, trong đó giai đoạn 2021-2030 ưu tiên phát triển đàn bò và giống gà ta thả vườn. Từ năm 2030 ổn định tổng đàn gia súc gia cầm. Đến năm 2050 không còn chăn nuôi gia súc trong khu dân cư. Dự báo và phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và sâu, bệnh trên cây trồng không để phát sinh thành dịch. Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản, diện tích rừng, đẩy mạnh trồng cây nhân dân. Thực hiện các chương trình khuyến nông, huy động nguồn lực xã hội phát triển nông nghiệp gắn với nông dân, nông thôn. Mục tiêu: Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 3,8%/năm giai đoạn 2021-2030; 3,5%/năm giai đoạn 2031-2050.

3.3. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA – XÃ HỘI

3.3.1 Phương án phát triển văn hóa, thể thao

Tiếp tục phát triển văn hoá, gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, nếp sống văn minh, phù hợp yêu cầu phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa Tràng An - Hà Nội. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch văn hóa bền vững, có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình văn hóa và các thiết chế văn hóa. Tích cực đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, chú trọng nâng cao chất lượng các danh hiệu văn hoá; gắn thực hiện phong trào với cuộc vận động “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Chương trình “Phát triển văn hóa - xã hội, xây dựng người Chương Mỹ - Hà Nội thanh lịch, văn minh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025” và các giai đoạn tiếp theo. Tiếp tục thực hiện 02 bộ Quy tắc ứng xử của Thành phố. Phát huy những giá trị nhân văn sâu sắc của Thủ

đô ngàn năm văn hiến; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, nhất là văn hóa ứng xử; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện sức khỏe, phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Tăng cường tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tuyên truyền về các ngày lễ lớn của đất nước, Thủ đô. Tổ chức tốt các sự kiện văn hóa. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại, xây dựng chính quyền, cơ quan điện tử; chính quyền, cơ quan số. Tích cực vận động nguồn vốn xã hội hóa cho đầu tư lĩnh vực văn hóa. Tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa đang xuống cấp. Quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống hàng năm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện cấp phép hoạt động văn hóa theo quy định. Xử lý nghiêm vi phạm trong hoạt động văn hóa.

3.3.2 Phương án phát triển giáo dục – đào tạo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” và các cuộc vận động thực hiện nội dung Nghị quyết; Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục thông qua cuộc vận động “Hai không”. Xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống trường học trên địa bàn đảm bảo yêu cầu theo quy mô phát triển dân số và tiêu chí trường chuẩn quốc gia theo các mức độ quy định, trong đó các trường xây mới phải đảm bảo đạt tiêu chí cao nhất, thí điểm xây dựng mô hình trường học chất lượng cao theo chỉ đạo, hướng dẫn, lộ trình của UBND Thành phố và ngành giáo dục cấp trên. Hiện đại hóa cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị dạy học, 100% số trường tiểu học, Trung học cơ sở có thư viện, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn để đảm bảo điều kiện đề thực hiện phương pháp giảng dạy tiên tiến, nhất là giảng dạy tin học và ngoại ngữ. Đến năm 2030 có 90% số trường công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó có từ 50-55% số trường đạt chuẩn mức độ 2; đến năm 2050 có 95% trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có từ 85-90% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Thực hiện việc thi tuyển, đào tạo nâng cao trình độ giáo viên theo lộ trình của ngành giáo dục đảm bảo 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019). cấp mầm non huy động 100% số trẻ mẫu giáo đến trường, nhà trẻ đạt từ 50% số trẻ trong độ tuổi trở lên đến trường. Đến năm 2025: Duy trì, giữ vững chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập THCS đạt chuẩn mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; Tỷ lệ học sinh phổ thông hoàn thành cấp học 100%; Tỷ lệ đối tượng trong độ tuổi hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông và tương đương đạt tỷ lệ 95%, phấn đấu đến năm 2030 tiệm cận 100%. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

ở tất cả các cấp học, phấn đấu hàng năm tỷ lệ học sinh giỏi ở các cấp học đều tăng so với năm trước, tạo điều kiện để các học sinh có tư chất thông minh đạt thành tích cao trong học tập, trở thành nhân tài của đất nước sau này. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của huyện. Phối hợp và tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo trên địa bàn mở rộng diện tích và các cơ sở trong nội đô chuyển về địa phương. Liên kết với một số trường Đại học và Cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội để đào tạo có hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ.

3.3.3 Phương án phát triển y tế

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất khám chữa bệnh, đầu tư xây mới các bệnh viện đa khoa của huyện theo lộ trình, cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế, các phòng khám đa khoa huyện, các trạm y tế cấp xã phù hợp với quy mô dân số và nhu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng số giường bệnh trên 1 vạn dân từ 10,9 giường năm 2020 lên 20-25 giường năm 2030, và 30-35 giường năm 2050. Thu hút y, bác sỹ, dược sỹ về làm việc tại huyện nâng tỷ lệ Bác sỹ trên 1 vạn dân từ 3,8 bác sỹ năm 2020 lên 20 bác sỹ năm 2030 và 30 bác sỹ năm 2050. 100% thôn, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động, các trường học đều có cán bộ y tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và hoạt động y dược tư nhân. Nâng cao chất lượng hệ thống y tế cơ sở, mạng lưới y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện và các cơ sở y tế công lập. Hàng năm thực hiện đầy đủ, đồng bộ các chương trình y tế như: Tiêm chủng mở rộng; phòng chống dịch bệnh; bảo đảm an toàn thực phẩm; quản lý sức khỏe người cao tuổi; chăm sóc bà mẹ, trẻ em; kế hoạch hóa gia đình... Tăng cường triển khai hoạt động tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, kế hoạch hóa gia đình. Chủ động dự báo, triển khai công tác y tế dự phòng, ứng phó hiệu quả với các dịch bệnh nguy hiểm như Covid-19, sốt xuất huyết...triển khai có hiệu quả các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Tạo điều kiện để mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe một cách thuận lợi. Hoàn thành xây dựng hồ sơ dữ liệu sức khỏe điện tử toàn dân; đẩy nhanh phát triển y tế số. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, các dịch vụ y tế chất lượng cao. Tăng cường quản lý hoạt động hành nghề y dược tư nhân, xử lý nghiêm các vi phạm. Nâng cao chất lượng công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản. Tích cực tuyên truyền thực hiện chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình, có biện pháp quyết liệt để

giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên và khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Thực hiện tốt các chính sách của nhà nước về y tế như: Bảo hiểm y tế, miễn giảm phí khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Giữ vững 100% các xã, thị trấn đạt “Tiêu chí quốc gia về y tế”; Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng bình quân hàng năm đạt từ 99,5% trở lên. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 8,6% năm 2020 còn 7,6% năm 2030, 6,1% năm 2050. Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi được quan tâm, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100% năm 2030. Chất lượng khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến các xã, thị trấn được nâng cao. Tiếp tục phát triển hoạt động y, dược ngoài công lập; từng bước phát huy vai trò của y học cổ truyền. Tổ chức tốt công tác truyền thông và cung ứng dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình; tỷ suất sinh thô giảm từ 15,9‰ năm 2020 xuống còn 14,9‰ năm 2030; đi trước một bước và có giải pháp hiệu quả để kiềm chế già hoá dân số, giai đoạn 2031 đến năm 2050 đảm bảo mức sinh thay thế.

3.3.4 Phương án lao động - việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Phát triển dân số hợp lý, cân bằng, bền vững, duy trì “Tỷ lệ vàng” về dân số ít nhất là đến năm 2030. Nâng cao thể chất, trí tuệ người Việt Nam. Trên cơ sở phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh về lương thực; thu nhập bình quân đầu người từ 60 triệu đồng năm 2020 tăng lên 120-130 triệu đồng năm 2030, năm 2050 là 270-280 triệu đồng (đạt mức khá về thu nhập bình quân đầu người so với các nước trên thế giới). Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của nhà nước; huy động các nguồn lực xã hội hóa cho hoạt động nhân đạo; thông qua các tổ chức xã hội, tổ chức Chữ thập đỏ vận động, sử dụng hiệu quả các quỹ nhân đạo, kịp thời trợ giúp các hộ đặc biệt khó khăn tai nạn đột xuất. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 01% sau 5 năm thực hiện theo tiêu chí mới. Chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường lao động, tăng thu nhập, đảm bảo phúc lợi xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, quan tâm lao động nông nghiệp chuyển đổi nghề. Tiếp tục thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, không để tái nghèo; đặc biệt quan tâm vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi để họ dần theo kịp với các vùng, miền khác trong huyện. Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, tri ân các anh hùng liệt sỹ và người có công với cách mạng. Quan tâm thực hiện tốt các quyền trẻ em để trẻ em được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ; đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em, tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện. Quan tâm các đối tượng phụ nữ, người già, người khuyết tật, người không có con cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh phòng, chống, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma

túy, mại dâm. Tạo điều kiện để người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ công, các dịch vụ văn hóa, y tế và chăm sóc sức khỏe, đảm bảo các cháu trong độ tuổi đều được đi học và hoàn thành các bậc học. Phát triển hạ tầng xã hội, các dịch vụ phục vụ cuộc sống để tăng mức độ hưởng thụ về văn hóa tinh thần của nhân dân. Người dân được tự do tín ngưỡng, được hoạt động tôn giáo hợp pháp, được đảm bảo về an ninh, tiếp tục được sống trong môi trường trong lành, không gian đô thị văn minh, không gian nông thôn yên bình.

3.4. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

3.4.1 *Phương án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội*

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi là khâu then chốt để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội. Đây chính là khâu then chốt để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và liên kết kinh tế giữa các vùng trong huyện cũng như giữa huyện với các địa phương khác. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, cụ thể là cứng hoá kênh mương, xây dựng thêm mạng lưới hồ đập chứa nước để bảo đảm chủ động nước cho mục tiêu phát triển nông nghiệp, cũng như bảo đảm nước cho đời sống sinh hoạt nhân dân.

3.5. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

3.5.1 *Hạ tầng giao thông:*

3.5.1.1. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu;

3.5.1.2. Phương án phát triển hạ tầng giao thông trên địa bàn

* Giao thông đường bộ:

- Các tuyến đường cấp quốc gia cải tạo nâng cấp gồm:

+ Quốc lộ 6: là tuyến đường hướng tâm về Thủ đô Hà Nội, hiện tại đây là trục đường chính kết nối Vùng Tây Bắc với trung tâm tăng trưởng của miền Bắc.

+ Quốc lộ 21: là một trong những trục dọc Bắc Nam chính song hành với quốc lộ 1A về phía tây, qua huyện Chương Mỹ tuyến đi qua các xã thuộc khu vực hữu Bùi.

- Các tuyến cấp quốc gia xây dựng mới.

+ Đường Hồ Chí Minh - Đường vành đai 5: là trục dọc Bắc Nam chính ở phía Tây, trong tương lai chuỗi đô thị Sơn Tây – Hoà Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn sẽ phát triển với quy mô tương đối lớn. Quy mô, vị trí hướng tuyến thực hiện theo quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh và đường Vành đai 5 đã được Thủ tướng Chính phủ phê

duyet tại quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15/02/2012 và số 561/QĐ-TTg ngày 18/4/2014.

- Các tuyến đường tỉnh, đường kết nối trung tâm thành phố quan trọng.

+ Đường Hà Đông – Xuân Mai: là tuyến đường được hoạch định xây dựng mới từ khu vực Nam Hà Đông đến giao quốc lộ 21A tại Xuân Mai, hỗ trợ vận tải liên kết giữa đô thị vệ tinh Xuân Mai, đô thị sinh thái Chúc Sơn với trung tâm Hà Nội. Quy mô tuyến đoạn qua đô thị rộng 60m (6 làn xe chạy chính và đường gom đô thị hai bên), đoạn ngoài đô thị là đường cấp I đồng bằng, 6 làn xe, quy mô nền đường rộng 33,5m.

+ Đường trục kinh tế Bắc Nam: liên kết các đô thị, khu vực trong hành lang xanh, là đường gom vận tải cho các tuyến hướng tâm về trung tâm Hà Nội. Quy mô tuyến đoạn qua đô thị rộng 60m, đoạn đi ngoài đô thị là đường cấp I đồng bằng rộng 42,0m.

+ Đường Chúc Sơn – Hương Sơn: từ Quảng Bị đi Hương Sơn – Mỹ Đức và kéo dài tuyến đi khu du lịch Bái Đính – Ninh Bình. Đây là tuyến được hoạch định kết nối tạo thành chuỗi du lịch sinh thái – tâm linh của Vùng Hà Nội. Quy mô tuyến đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp II (quy mô nền đường rộng 24m), quy hoạch dự kiến hành lang tuyến theo đường cấp I đồng bằng, bề rộng nền 33,5m.

+ Đường Lê Văn Lương kéo dài kết nối quận Hà Đông với đô thị Chúc Sơn có quy mô rộng 40m, điểm kết thúc tại giao đường trục kinh tế Bắc Nam, kết hợp với mạng lưới đường đô thị Chúc Sơn để kết nối với quốc lộ 6.

- Mạng lưới đường tỉnh: 03 tuyến (ĐT.419, 421B, 429) được cải tạo trên cơ sở các tuyến tỉnh lộ hiện có, tăng cường kết nối với mạng lưới đường cao tốc và quốc lộ.

+ ĐT. 419: tuyến kết nối trung tâm các huyện thuộc hành lang xanh (Phúc Thọ, Liên Quan, Quốc Oai, Chúc Sơn, Vân Đình). Trong tương lai khi tuyến trục kinh tế Bắc Nam hình thành sẽ đảm nhận vai trò vận tải của ĐT. 419 khi đó chuyển đổi vai trò là vận tải nội huyện. Giai đoạn đầu nâng cấp, mở rộng đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, đoạn qua thị trấn sinh thái Chúc Sơn tiêu chuẩn đường đô thị cấp liên khu vực, quy mô lộ giới 30m.

+ ĐT. 421B: tuyến kết nối trực tiếp đô thị Xuân Mai với đô thị Quốc Oai, đi qua vùng nông nghiệp và trung tâm các xã của huyện Quốc Oai, quy đường cấp III đồng bằng. Đoạn qua đô thị Xuân Mai được điều chỉnh nối với tuyến đường chính đô thị và đường vành đai phía Đông Bắc đô thị Xuân Mai.

+ ĐT. 429: là tuyến kết nối ngang giữa đường Hồ Chí Minh (quốc lộ 21A) với quốc lộ 21B và ra quốc lộ 1A. Đa phần tuyến thuộc địa phận huyện Mỹ Đức. Quy mô tuyến là đường cấp III đồng bằng.

+ Nâng cấp đường huyện Nguyễn Văn Trỗi lên cấp đường tỉnh, đây là tuyến đường kết nối đô thị Chúc Sơn với khu vực phía Tây Nam của huyện. Quy mô tuyến đạt cấp III đồng bằng.

+ Xây dựng mới đường Tốt Động – Lam Điền, kết hợp cùng đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn phía Tây Nam) tạo thành tuyến đường ngang theo hướng Đông Tây của huyện.

+ Xây mới đường vành đai phía Đông Bắc đô thị Xuân Mai, kéo dài qua các xã Hoàng Văn Thụ, Quảng Bi, Hoàng Diệu và đi QL21B tại thị trấn Kim Bài.

- Đường huyện: Nâng cấp, xây dựng mạng lưới đường huyện, liên xã kết hợp với quốc lộ, tỉnh lộ, cơ bản tạo thành mạng lưới đường ô cò. Các tuyến đường huyện khác giữ nguyên hướng tuyến và chỉ nâng cấp hoàn thiện mặt đường.

* Giao thông đường sắt: 02 tuyến đường sắt nội vùng theo QHC Hà Nội.

- Tuyến đường sắt Hà Đông – Xuân Mai: là tuyến số 2A (Hà Đông – Cát Linh) kéo dài chạy dọc theo hành lang quốc lộ 6. Đoạn qua đô thị đi trên cao, ngoài đô thị đi nổi trên mặt đất.

- Tuyến đường sắt Xuân Mai – Hòa Lạc – Sơn Tây (đường sắt trên cao): là tuyến kết nối các đô thị vệ tinh, chạy dọc theo hành lang quốc lộ 21A.

- Công trình ga đường sắt: Xây dựng các ga dọc tuyến theo quy định. Ga đầu cuối kết hợp khu sửa chữa lưu giữ tàu (Depot) của tuyến đường sắt đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai được bố trí tại phía Nam đô thị Xuân Mai quy mô khoảng 15-20ha; Khu Depot của tuyến đường sắt đô thị Hà Đông – Xuân Mai bố trí tiếp giáp Quốc lộ 6 và bến xe Xuân Mai, quy mô dự kiến khoảng 15-20ha.

* Giao thông đường thủy

Dự án cải tạo sông Đáy hiện đang được bộ nông nghiệp triển khai, trong đó một số đoạn được cải tạo, nắn chỉnh dòng, bổ sung nguồn nước vào mùa khô sẽ cho phép hoạt động vận tải thủy trong phạm vi ngắn.

Dự kiến bố trí 3 bến thuyền tại: Phụng Châu, Thụy Hương, Hòa Chính phục vụ du lịch trên tuyến sông Đáy.

*** Giao thông đường không:**

Hiện nay sân bay Miếu Môn có chiều dài đường băng khoảng 3000m được dự trữ quỹ đất cho việc phát triển. Quy mô, tính chất cấp hạng của sân bay sẽ được thực hiện theo quy hoạch ngành và dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đường trục chính đô thị:

*** Giao thông đô thị.**

Mạng lưới đường đô thị hình thành trên 2 khu vực đô thị chính: Đô thị Xuân Mai và đô thị Chúc Sơn. Các tuyến đường trục chính đô thị kết nối trực tiếp với đường đối ngoại cấp thành phố, cấp quốc gia tạo thành các cửa ngõ chính vào đô thị. Đối với đường đối ngoại hiện trạng đi xuyên qua đô thị sẽ xây dựng đường gom để phân tách luồng giao thông đối ngoại và giao thông đô thị hoặc có giải pháp phân làn nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

Mạng lưới đường đô thị tại thị trấn Chúc Sơn và đô thị Xuân Mai tuân thủ theo quy hoạch chung xây dựng đô thị, đảm bảo kết nối giữa đường đô thị và đường ngoài đô thị.

3.5.2 Hạ tầng cấp, thoát nước:

3.5.2.1. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu;

3.5.2.2 Phương án phát triển hạ tầng cấp nước trên địa bàn

Theo quy hoạch chung cấp nước Hà Nội, huyện Chương Mỹ được cấp nước từ NMN sông Đà qua:

- Tuyến ống cấp nước D900mm theo quy hoạch chung dọc tuyến đường 21 từ Hòa Lạc về Xuân Mai (Để đảm bảo an toàn cấp nước xây dựng hai tuyến ống truyền dẫn D600mm, D700mm từ Hòa Lạc về Xuân Mai)

- Tuyến ống truyền dẫn D600mm từ Quốc Oai về Chúc Sơn.

Trong quá trình tính toán để đảm bảo cấp nước cho thị trấn Chúc Sơn và khu vực nông thôn, đề xuất mới thêm tuyến ống truyền dẫn dẫn nước D400mm dọc Quốc lộ 6 từ Xuân Mai về Chúc Sơn. Tuyến ống này đảm bảo cấp nước khu vực nông thôn dọc trục và cấp nước một phần cho thị trấn Chúc Sơn.

- Đô thị vệ tinh Xuân Mai:

+ Trạm bơm tăng áp Xuân Mai: xây dựng tại phía bắc thị trấn. Nước được dẫn từ NMN sông Đà về bởi tuyến ống truyền dẫn D900mm (để đảm bảo an toàn cấp

nước xây dựng thay thế bằng 2 tuyến ống D600mm, D700mm). Công suất trạm bơm tăng áp dự kiến 2020: 40.000 m³/ngđ, 2030: 80.000 m³/ngđ nhằm đảm bảo cấp nước cho thị trấn Xuân Mai, một phần thị trấn Chúc Sơn và khu vực nông thôn huyện Chương Mỹ.

- + Mạng lưới cấp nước chính Xuân Mai được thiết kế mạng vòng có đường kính ống D300mm-D500mm. Mạng lưới cấp nước phân phối có đường kính D150mm-D250mm

- Thị trấn sinh thái Chúc Sơn:

- + Trạm bơm tăng áp số 1 : 2020 : 15.000 m³/ngđ, 2030: 15.000 m³/ngđ đặt tại phía tây thị trấn tại xã Đông Sơn được cấp bởi tuyến ống D400mm từ Xuân Mai tới

- + Trạm bơm tăng áp số 2 : 2020: 10.000 m³/ngđ, 2030: 25.000 m³/ngđ đặt tại phía Bắc thị trấn được cấp nước bởi tuyến ống D600mm từ hướng Quốc Oai tới. Công suất trạm bơm tăng áp số 2 được tính toán đảm bảo cấp nước cho thị trấn Chúc Sơn và dân cư nông thôn phía nam huyện

- Khu vực nông thôn: Khu vực nông thôn được cấp nước qua các trạm bơm tăng áp nông thôn hoặc được lấy trực tiếp từ các tuyến ống cấp nước đô thị, các khu vực nông thôn còn lại được cấp nước từ các giếng khoan nước ngầm hoặc từ các trạm cấp nước tập trung.

3.5.2.3 Phương án phát triển hạ tầng thoát nước mưa và phòng chống lũ lụt trên địa bàn.

*** Quy hoạch phòng, chống lũ lụt:** Huyện Chương Mỹ là một trong những địa phương ảnh hưởng nặng nề nhất về lũ lụt của Hà Nội khi trước đây vừa là vùng phân, chậm lũ sông Đáy, vừa chịu tác động của lũ rừng ngang từ Hòa Bình đổ về.

- Lũ rừng ngang: Thực hiện theo Quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội. Giải pháp tiêu cho khu vực hữu sông Bùi của Chương Mỹ trên cơ sở đảm bảo tiêu nước cho cả đô thị vệ tinh Xuân Mai và vùng nông nghiệp:

- + Khu vực phía Tây QL 21 (đường HCM dự kiến) đoạn từ QL 6 đến hồ Văn Sơn xây dựng kênh cách ly nằm dọc đường Hồ Chí Minh đổ ra sông Bùi. Thông số cụ thể của kênh sẽ được thực hiện theo dự án riêng.

- + Khu vực thuộc lưu vực hồ Văn Sơn (diện tích 21km²), gom lũ vào hồ Văn Sơn trước khi xả ra suối nằm sau tràn xả lũ của hồ Văn Sơn.

+ Khu vực thuộc lưu vực hồ Đồng Xương (diện tích 57km²), gom lũ vào hồ Đồng Xương trước khi xả ra sông Bến Gỗ.

+ Khoanh vùng để bơm tiêu cho khu vực nằm giữa đường 21 và sông Bùi của huyện Chương Mỹ, đảm bảo không ngập úng khi xây dựng đô thị vệ tinh Xuân Mai.

- Công trình đầu mối:

+ Cải tạo hai hồ chứa Đồng Sương, Văn Sơn để cắt một phần lũ rừng ngang.

+ Cải tạo sông Bến Gỗ sau tràn hồ Đồng Sương, kênh xả lũ hồ Văn Sơn để chuyển phần nước lũ còn lại của 2 hồ Đồng Sương và Văn Sơn ra sông Bùi.

+ Xây dựng tuyến kênh bao bọc đường Hồ Chí Minh qua khu vực, chuyển một phần nước lũ ra sông Bùi.

+ Mở rộng lòng dẫn sông Bùi với $B = 60$ m, cao trình đáy tại Tân Trượng là -0,5 m, tại Ba Thá là -2,5 m.

+ Nâng cấp đề tả Tích, tả Bùi từ cấp IV lên đề cấp III đảm bảo chống lũ với tần suất $P=2\%$ và kết hợp làm đường giao thông.

+ Khu vực chịu ảnh hưởng thủy văn Sông Đáy tuân thủ theo Quy hoạch phòng, chống lũ và đề điều hệ thống sông Đáy (được phê duyệt tại quyết định 1821/2014/QĐ-TTg): cải tạo lòng dẫn sông Đáy (Đoạn từ Đập Đáy đến Ba Thá), đoạn qua khu vực Yên Nghĩa để đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tính toán; điều chỉnh một số đoạn tuyến đề hữu Đáy kết hợp với làm đường giao thông đoạn qua Chương Mỹ (phương án cụ thể sẽ được xác định theo quy hoạch, dự án chuyên ngành).

*** Định hướng thoát nước mưa:**

- Đô thị vệ tinh Xuân Mai: 04 lưu vực chính, hướng thoát từ Tây sang Đông ra sông Bùi. Đối với các kênh tràn xả lũ sau hồ Văn Sơn, hồ Đồng Sương bố trí hành lang dự trữ đảm bảo thoát lưu lượng lũ thiết kế ứng với tần suất $P=2\%$. Sử dụng khu vực trũng phía Đông ĐTVT Xuân Mai là vùng trữ nước tạm thời trong mùa mưa khi lũ lớn.

- Thị trấn sinh thái Chúc Sơn: 02 lưu vực chính thoát ra sông Tích, sông Bùi và sông Đáy thông qua hệ thống trạm bơm, kênh tiêu thủy lợi.

+ Lưu vực phía Tây núi Tiên Phương: phía Đông trục PTKT Bắc Nam tiêu về nương Cửa Khê phía Tây, một phần thoát ra sông Tích qua kênh thủy lợi, tiêu động lực bằng trạm bơm An Sơn; một phần thoát qua đê QL 6, về sông Cửa Khê rồi ra sông

Bùi. Khu vực phía Tây trục PTKT Bắc Nam tiêu về kênh nhân tạo dọc núi Tiên Phương, thoát qua QL 6 về sông Cua Phe, sông Cửa Khê rồi ra sông Bùi.

+ Lưu vực phía Đông núi Tiên Phương: Khu vực phía Bắc đường Lê Văn Lương kéo dài thoát ra kênh tiêu Phụng Châu bơm qua đê (TB Phụng Châu) ra sông Đáy. Khu vực Nam đường Lê Văn Lương kéo dài đến Bắc QL 6: thoát ra hồ cảnh quan, chảy qua QL6, một phần ra sông Cua Phe rồi ra sông Bùi, một phần theo kênh thủy lợi ra sông Đáy. Khu vực Nam QL 6: một phần thoát theo các trục tiêu đô thị, theo kênh thủy lợi ra sông Bùi; một phần thoát qua hệ thống kênh tiêu ra sông Đáy.

+ Xây dựng mới trạm bơm tiêu tại khu vực TTST Chúc Sơn thay thế trạm bơm Phụng Châu hiện có khi điều chỉnh cục bộ đê Hữu Đáy và hỗ trợ thoát nước mưa cho khu vực đô thị mới.

- Khu vực nông thôn: Giải pháp thoát nước cơ bản tuân thủ phương án đã đề xuất trong quy hoạch nông thôn mới, đảm bảo phù hợp định hướng quy hoạch chung.

3.5.2.4 Phương án phát triển hạ tầng thoát nước thải trên địa bàn

Tuân thủ quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được phê duyệt, khu vực đô thị cơ bản sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Đô thị Chúc Sơn: Xây dựng trạm XLNT tập trung, công suất XLNT 19.000 m³/ngđ

- Đô thị Xuân Mai: Xây dựng 2 trạm XLNT tập trung, với tổng công suất khoảng 55.700 m³/ngđ (dài hạn bổ sung 1 trạm XLNT cho khu vực dự trữ phát triển phía nam).

- Khu vực dự trữ phát triển, dân cư làng xóm mật độ thấp, khu dân cư độc lập xã trung tâm, lượng nước thải khu vực phát triển du lịch xử lý cục bộ bằng các modul công suất nhỏ, đảm bảo chất lượng nước trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải công nghiệp: Dự kiến bố trí 4 trạm XLNT công nghiệp tập trung.

+ Trạm XLNT CN1 và CN2: phục vụ KCN Phú Nghĩa. Trạm XLNT CN 1 hiện trạng, công suất 2.500 m³/ngđ phục vụ khu vực phía nam KCN (theo dự án). Trạm XLNT CN2, phục vụ khu vực phía bắc KCN.

+ Trạm XLNT CN3: phục vụ cụm công nghiệp Ngọc Hòa.

+ Trạm XLNT CN4: phục vụ cụm công nghiệp Ngọc Sơn.

+ Trạm XLNT CN5: phục vụ cụm công nghiệp 13 ha.

+ Trạm XLNT CN6: phục vụ cụm công nghiệp Đông Phương Yên.

- Nước thải làng nghề: chủ yếu từ nghề làm mây tre đan và chế biến nông sản. Trạm xử lý nước thải tập trung nên sử dụng phương pháp xử lý sinh học, trong đó công trình xử lý chính có thể là các bể aeroten cấp khí bằng bơm ejector.

- Nước thải y tế: Nước thải y tế xử lý đạt QCVN28/2010/BTNMT.

3.5.3 Hệ thống điện, chiếu sáng:

3.5.3.1. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu;

3.5.3.2. Phương án phát triển hệ thống điện, chiếu sáng trên địa bàn

* Nguồn điện :

- Giai đoạn ngắn hạn:

+ Xây dựng mới trạm 220/110KV Chương Mỹ với công suất 1x250MVA, đây sẽ là trạm cấp nguồn chính cho huyện Chương Mỹ, trạm được đặt tại xã Trường Yên.

+ Nâng công suất trạm 110/35/22KV Xuân Mai từ 1x40MVA lên thành 2x40MVA.

+ Trạm 110/22KV Chương Mỹ đặt tại xã Thụy Hương, cấp điện cho đô thị mới Chúc Sơn và khu vực phía Đông Bắc huyện, công suất 1x40MVA.

+ Trạm 110/22KV CN Phú Nghĩa, đặt tại khu công nghiệp Phú Nghĩa, cấp điện chủ yếu cho khu công nghiệp và đồng thời cấp điện cho dân cư khu vực phía Bắc, công suất 1x40MVA.

+ Xây dựng mới trạm 110/22KV Nam Tiến Xuân, đặt tại phía Tây Nam đô thị Xuân Mai và xây dựng mới trạm 110/22KV Miếu Môn, đặt tại Nam đô thị mới Xuân Mai. Công suất của 2 trạm là: 1x63MVA.

- Giai đoạn dài hạn:

+ Nâng công suất trạm 220/110KV Chương Mỹ từ công suất 1x250MVA lên thành 2x250MVA.

+ Nâng công suất trạm 110/22KV CN Phú Nghĩa và 110/22KV Chương Mỹ, từ 1x40MVA lên thành 2x40MVA. Nâng công suất trạm 110/22kv Nam Tiến Xuân và Miếu Môn từ 1x63MVA lên thành 2x63MVA.

Lưới điện:

+ Tuyến 110KV từ trạm 220KV Chương Mỹ - 110KV CN Phú Nghĩa mạch kép, chiều dài 2,7Km, dây AC-240.

+ Tuyến 110KV từ trạm 220KV Chương Mỹ - 110KV Chương Mỹ mạch kép, chiều dài 5,2Km, dây AC-240.

+ Tuyến 110KV từ trạm 220KV Chương Mỹ - 110KV Miếu Môn mạch kép, chiều dài 8,4KV, dây AC-240.

3.5.4 Hệ thống nghĩa trang và quản lý chất thải rắn:

3.5.4.1. Nghĩa trang

Tuân thủ quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt, trên địa bàn huyện xây dựng nghĩa trang tập trung tại xã Trần Phú, quy mô khoảng 23-25 ha.

Xây dựng tuyến đường phục vụ tang lễ đi từ đường HCM độc lập với đường đi vào khu xử lý CTR.

Nghĩa trang tập trung cần xây dựng theo tiêu chuẩn nghĩa trang đô thị, có đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến VSMT khu vực lân cận.

3.5.4.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn

* Khu xử lý CTR tập trung:

Tuân thủ quy hoạch xử lý CTR xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được phê duyệt, trên địa bàn huyện Chương Mỹ bố trí 2 khu xử lý CTR tập trung cấp thành phố:

- Khu xử lý CTR Núi Thoong, đô thị Xuân Mai: quy mô khoảng 10,4 ha. Công suất 450 tấn/ng (giai đoạn đến 2030 là 7,5 ha; 450 tấn/ngđ)

- Khu xử lý CTR Đồng Ké, xã Trần Phú, quy mô khoảng 21 ha. Công suất 1.200 tấn/ngđ (giai đoạn đến 2030 là 11 ha, 600 tấn/ngđ)

Chức năng: xử lý CTR sinh hoạt, xử lý phân bùn bể phốt, xử lý chất thải y tế nguy hại bằng công nghệ lò đốt

3.6. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

* Phương án quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch: Về kế hoạch sử dụng đất hiện nay đã kiểm soát phát triển tốt theo quy hoạch lô phố và đường giao thông. Các chỉ tiêu quy hoạch được xác định đến từng ô quy hoạch. Các chỉ tiêu quy hoạch được xác định theo các nguyên tắc bảo vệ, tôn tạo, phát triển như:

*Khai thác bổ sung không gian cây xanh cho khu vực đô thị, cây xanh ngoài đô thị, cây xanh mặt nước ở các khu vực công viên, vườn hoa góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và điều hoà vi khí hậu cho khu vực xung quanh.

* Cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo khớp nối với khu vực (kết nối giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, mạng lưới điện chạy ngầm đảm bảo an toàn môi trường không khí, đất, nước ngầm, nước mặt...).

* Thu gom, vận chuyển chất thải rắn

Phân loại: CTR cần được phân loại ngay tại nguồn thải như: khu ở, khu vực công cộng, cơ quan, trường học...cần bố trí 02 loại thùng phân loại rác: hữu cơ và vô cơ. Cần có giải pháp chế tài xử lý nghiêm đối với hành vi không phân loại rác tại nguồn và hành vi xả rác thải không đúng nơi quy định. Hướng tới phát triển quận xanh – sạch – đẹp.

Thu gom và xử lý: CTR được thu gom định kỳ bởi Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội, đưa về trạm trung chuyển CTR tại Yên Sở trước khi được đưa đi xử lý tập trung theo quy hoạch.

Riêng CTR y tế, CTR nguy hại thì phải được xử lý riêng theo quy định.

* Biện pháp bảo vệ môi trường:

Đề xuất các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường rất quan trọng trong việc gìn giữ các giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học trong khu vực nghiên cứu cũng như kiểm soát để đảm bảo chúng không chịu tổn thương trong quá trình phát triển đô thị.

Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động sinh hoạt : các khu dân cư tập trung xây mới và hiện trạng; điểm dân cư nông thôn, khu vực giáo dục, đào tạo

Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch.

Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động công nghiệp tập trung

Vùng ảnh hưởng ô nhiễm do các hoạt động giao thông, khung hạ tầng kỹ thuật đầu mối.

Vùng bảo vệ cảnh quan đồi núi, sinh thái nông nghiệp, du lịch; vùng đệm, cách ly, cây xanh, mặt nước đô thị có tác dụng cải thiện và đảm bảo các yếu tố môi trường.

- Bảo vệ cảnh quan

Các công trình xây dựng mới phải hoà nhập với cảnh quan chung của đô thị.

Tạo khoảng cây xanh cách ly dọc các trục giao thông chính, công trình HTKT đầu mối, hệ thống sông suối, mặt nước.

Kè bờ bảo vệ khu vực mặt nước chính trong đô thị : sông Tích, sông Vai Ráo.

Bảo tồn vùng sinh thái nông nghiệp và cảnh quan đồi núi phía tây. Gắn việc bảo tồn hệ sinh thái với bảo tồn, phục dựng các di tích đền chùa phục vụ du lịch tâm tinh

San gạt theo nguyên tắc tôn trọng địa hình, cân bằng đào đắp.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, thu gom CTR theo quy hoạch.

Tạo hành lang bảo vệ sông hồ: đảm bảo chất lượng nguồn nước đầu nguồn và bảo vệ các công trình xung quanh khu vực sông, kênh mương. Cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn.

Khoi thông hệ thống kênh mương và ao, hồ trong huyện. Liên kết các mạch nước, tạo hệ thống mặt nước liên tục, mật độ dàn đều nhằm cải thiện cảnh quan, hỗ trợ tiêu thoát nước khi có mưa lớn. Giảm thiểu những ảnh hưởng của úng ngập và ô nhiễm nước mặt cục bộ.

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ cho các khu du lịch, làng nghề, điểm dân cư nông thôn, những điểm dân cư đô thị phát thải xa hệ thống thoát nước tập trung, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường

Hạn chế việc khai thác trái phép nguồn nước ngầm trong các hộ gia đình và các khu dân cư nông thôn

Đối với tất cả các công trình xây dựng mới phải có bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước.

Các công trình đã xây dựng buộc phải nối với hệ thống nước.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn

- Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực bến xe, ga đường sắt, trạm XLNT, khu xử lý tập trung CTR, nghĩa trang, các khu công nghiệp tập trung

- Trồng cây xanh cách ly những đoạn giao thông chính đi qua đô thị tập trung
Đảm bảo tỷ lệ cây xanh, mặt nước trong đô thị.

- Khu vực đường giao thông đối ngoại chưa có khoảng cách đảm bảo chống ô nhiễm không khí tiếng ồn tới các khu dân cư cần có các biện pháp kỹ thuật như tạo lưới chống ồn và chống bụi, tăng cường độ dày lớp đệm cây xanh cách ly.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất

- Đối với khu vực sản xuất nông nghiệp cần hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hoá học, giảm tối đa sự ô nhiễm gây ra với môi trường đất.

- Xử lý triệt để các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tránh gây ô nhiễm cho môi trường đất và không khí.

- Thu gom, phân loại và xử lý triệt để CTR phát sinh đặc biệt là tại các điểm du lịch, tập trung đông dân cư.

- Y tế, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng

+ Về công tác y tế: Hoàn thiện dịch vụ phòng chữa bệnh, đặc biệt làm giảm các yếu tố nguy cơ từ môi trường sống liên quan tới bệnh tật xảy ra, nhất là các yếu tố do quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá không hoàn hảo.

+ Về vệ sinh môi trường:

Giải quyết cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, làm giảm các bệnh dịch, nhất là các bệnh do quá trình đô thị hoá gây ra. Đảm bảo 100% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh, không còn tình trạng xả thải trực tiếp ra nguồn.

Cần chú ý vệ sinh đô thị, ngăn ngừa ô nhiễm không khí, tiếng ồn, tai nạn giao thông, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội...

- Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường

Hệ thống các điểm quan trắc chất lượng môi trường trong huyện cần được xây dựng và đảm bảo hoạt động định kỳ.

Quan trắc tại các điểm nước thải ra nguồn tiếp nhận, thông số quan trắc là hàm lượng kim loại, pH, DO, BOD, COD, dầu tổng số, TSS, tổng nitơ, photpho, NH₄⁺, coliform.

Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn, khí độc (SO₂, NO₂, CO), hàm lượng kim loại nặng tại đường giao thông; khu dân cư có nguy cơ bị ảnh hưởng.

Ngoài ra các dự án xây dựng trên địa bàn huyện đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật.

3.7. PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền đối với công tác quốc phòng, an ninh. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Bảo vệ an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tinh thần cảnh giác, quyết liệt đấu tranh với những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, “phi chính trị hóa quân đội” của các thế lực thù địch. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao. Tăng cường các nguồn lực hỗ trợ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ Quận, diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp phường sát yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự; thực hiện tốt chính sách quân đội, hậu phương quân đội.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thường xuyên coi trọng tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật. Chú trọng bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội. Tuyên truyền thực hiện tốt Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia. Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; giải quyết tốt những phức tạp từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng”, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để hình thành tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân tham gia vào các chương trình phòng, chống tội phạm; ngăn chặn, kiểm chế tội phạm, tai nạn giao thông; phòng cháy, chữa cháy.

Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, có trình độ, khả năng và sức chiến đấu cao; là lực lượng xung kích trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tập trung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp”, lực lượng dự bị động viên “hùng hậu”. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp vững mạnh.

4. THỰC HIỆN QUY HOẠCH

4.1. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Xây dựng hệ thống các quy hoạch, quy chế, quy định kiểm soát phát triển và chương trình phát triển đô thị nông thôn huyện theo các giai đoạn.

Các dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Các dự án hạ tầng giao thông.

Các dự án thủy lợi.

Các dự án hạ tầng kỹ thuật điện, nước.

Các dự án đầu tư phát triển thị trấn sinh thái Chúc Sơn, đô thị vệ tinh Xuân Mai và một số điểm tập trung dân cư.

Các dự án quy hoạch các khu, cụm công nghiệp.

Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

Các dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp.

Các dự án phát triển làng nghề.

Các dự án bảo vệ môi trường

Các dự án phát triển Thương mại - Dịch vụ - Du lịch.

Các dự án văn hóa - xã hội.

4.2. NHU CẦU VỐN VÀ DỰ KIẾN NGUỒN VỐN

4.3. CÁC GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

a. Giải pháp huy động vốn đầu tư

- Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và tỉnh:

+ Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác. Ngoài ra, tăng cường phối hợp với các Bộ ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, quốc phòng an ninh,... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển của Bộ ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

+ Tranh thủ và đối thoại hiệu quả với các địa phương lân cận nhằm hợp tác chặt chẽ với các địa phương trong triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông có tính kết nối với các tỉnh/thành phố lân cận.

+ Đối với nguồn ngân sách huyện, trong khuôn khổ của pháp luật về đất đai, có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn, bao gồm khai thác quỹ đất cho phát triển. Hạn chế tối đa xây dựng mới trụ sở các cấp, ban, ngành cũng như dàn trải các dự án đầu tư một cách thiếu đồng bộ.

+ Để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, cần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu.

+ Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Tiếp tục cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Huy động nguồn vốn từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện tốt đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, để chuyển nhượng hoặc cho thuê và tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Ngoài ra, huyện có thể tận dụng thêm một khoản thu từ quỹ đất do các đơn vị hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn đang sử dụng lãng phí, không đúng mục đích, không đúng công năng. Huyện sẽ rà soát, sắp xếp và thu hồi để sử dụng hiệu quả.

- Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Các lĩnh vực được áp dụng hình thức PPP rất rộng, trong đó có các dự án giao thông, sản xuất và truyền tải điện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ dân sinh (như chiếu sáng

công cộng, cấp thoát nước, xử lý chất thải, nghĩa trang...), nông nghiệp và phát triển nông thôn, các dự án giáo dục, y tế,... Tùy theo mục đích và lĩnh vực của dự án, có thể áp dụng các hình thức PPP khác nhau (như BOT, BT...). Huyện Chương Mỹ cần sớm nghiên cứu và xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận với các nhà đầu tư tiềm năng.

Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ,... Thành lập các quỹ ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện như: quỹ tín dụng nhân dân, quỹ bảo hiểm sản xuất,... Phát triển các hình thức huy động vốn đóng góp bằng các hình thức như cổ phần, cổ phiếu.

- Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp trong và ngoài nước
- Vận động nguồn vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ quốc tế.

b. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

- Tăng cường quản lý chặt chẽ trên tất cả các khâu của đầu tư xây dựng, gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, theo đúng lộ trình quy hoạch và thứ tự ưu tiên đầu tư. Nâng cao chất lượng công tác lập và thẩm định chủ trương, dự án đầu tư, trong đó lấy hiệu quả đầu tư là điều kiện tiên quyết, quyết định đến việc lựa chọn dự án đầu tư.

- Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn.

- Tăng cường giám sát của cộng đồng theo quy chế của Chính phủ về giám sát cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Coi việc giám sát cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các công trình xây dựng cơ bản.

5. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

5.1. KẾT LUẬN

“Phương án phát triển tổng thể tổ chức không gian kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Chương Mỹ thời kỳ 2021 -2030” đã đề xuất

các định hướng chiến lược, phát triển kinh tế xã hội địa phương dựa trên tiềm năng và lợi thế của huyện Chương Mỹ. Phương án xây dựng trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển các ngành, có tính tới yếu tố liên vùng và hội nhập kinh tế quốc tế. Phương án đã đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn, đặc biệt tháo gỡ những điểm nghẽn, tạo sự đột phá cho Huyện.

5.2. KIẾN NGHỊ

Trong quá trình lập Phương án quy hoạch kính đề nghị UBND huyện Chương Mỹ, các phòng ban trực thuộc huyện và các đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp rà soát cung cấp tài liệu, số liệu để đơn vị tư vấn nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp với thực tiễn.